



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NGUYỄN THỊ TOAN (Tổng Chủ biên)

TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG (Chủ biên)

NGUYỄN HÀ AN – NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH – NGUYỄN THỊ THỌ

TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA môn

GIÁO DỤC CÔNG DÂN

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

LỚP

9

Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

CBQLGD: Cán bộ quản lý giáo dục
CC: Chăm chỉ
CTGDPT: Chương trình Giáo dục phổ thông
ĐCHV: Điều chỉnh hành vi
GD CD: Giáo dục công dân
GDPT: Giáo dục phổ thông
GD&ĐT: Giáo dục và Đào tạo
GQVĐ&ST: Giải quyết vấn đề và sáng tạo
GT – HT: Giao tiếp – hợp tác
GV: Giáo viên
HS: Học sinh
NA: Nhân ái
NL: Năng lực
NXBGDVN: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
PC: Phẩm chất
PTBT: Phát triển bản thân
QLBT: Quản lý bản thân
SGK: Sách giáo khoa
SGV: Sách giáo viên
TBV: Tự bảo vệ
TC – TH: Tự chủ – tự học
TH – TG: Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội
TN: Trách nhiệm
TT: Trung thực
THCS: Trung học cơ sở
YN: Yêu nước



MỤC LỤC

Trang

PHẦN THỨ NHẤT: TÌM HIỂU VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN

GIÁO DỤC CÔNG DÂN CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ 4

1. Đặc điểm của môn Giáo dục công dân 4
2. Quan điểm xây dựng chương trình môn Giáo dục công dân 4
3. Mục tiêu chương trình môn Giáo dục công dân..... 5
4. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực 5
5. Nội dung và thời lượng 7
6. Phương pháp dạy học Giáo dục công dân phát triển phẩm chất, năng lực học sinh 9
7. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục công dân..... 18
8. Phương tiện, thiết bị dạy học môn Giáo dục công dân 23

PHẦN THỨ HAI: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA VÀ CÁC NGUỒN HỌC LIỆU BỔ TRỢ MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9 24

1. Hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa Giáo dục công dân 9 24
2. Hướng dẫn sử dụng các nguồn học liệu bổ trợ môn Giáo dục công dân 9..... 35

PHẦN THỨ BA: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9..... 40

1. Thiết kế, tổ chức thực hiện kế hoạch bài dạy 40
2. Bài soạn minh họa..... 49

TÌM HIỂU VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

1 ĐẶC ĐIỂM CỦA MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Trong CTGDPT, GDCC là môn học giữ vai trò chủ đạo trong việc giúp HS hình thành, phát triển ý thức và hành vi của người công dân. Thông qua các bài học về lối sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế, môn GDCC góp phần bồi dưỡng cho HS những phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của người công dân, đặc biệt là tình cảm, niềm tin, nhận thức, cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật, có kĩ năng sống và bản lĩnh để học tập, làm việc và sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

Nội dung chủ yếu của môn học là giáo dục đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật và kinh tế, bảo đảm tất cả HS được giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, quê hương, cộng đồng, nhằm hình thành thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập, sinh hoạt và ý thức tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.

Nhiệm vụ GDCC được thực hiện thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó GDCC là môn học cốt lõi.

Ở giai đoạn giáo dục cơ bản, môn GDCC là môn học bắt buộc. Thời lượng dành cho môn học ở mỗi lớp là 35 tiết/năm học.

2 QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

CTGDPT môn GDCC tuân thủ các định hướng nêu trong CTGDPT tổng thể, đồng thời nhấn mạnh các quan điểm sau:

2.1. Bảo đảm tính khoa học, tính sư phạm và tính thực tiễn

CTGDPT môn GDCC được xây dựng trên cơ sở: đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; các thành tựu nghiên cứu về tâm lí học, giáo dục học, đạo đức học, luật học, lí luận chính trị và kinh tế học; kinh nghiệm trong nước và quốc tế về phát triển CTGDPT môn GDCC; các giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam và giá trị chung của nhân loại; thực tiễn xã hội, giáo dục, điều kiện kinh tế và truyền thống văn hoá Việt Nam, sự đa dạng của đối tượng HS xét về phương diện vùng miền, điều kiện và khả năng học tập.

2.2. Bảo đảm tính hệ thống

Môn GDCC được xây dựng theo hướng đồng tâm và phát triển, dựa trên các mạch nội dung giáo dục đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật và xoay quanh các mối quan hệ

của con người với bản thân và người khác, với cộng đồng, đất nước, nhân loại, công việc và môi trường tự nhiên; mở rộng và nâng cao dần từ cấp Tiểu học đến cấp THCS.

2.3. Chú trọng tích hợp

Chương trình chú trọng tích hợp các nội dung giáo dục trong nội bộ môn học về kĩ năng sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế đồng thời ở nhiều chủ đề tích hợp giáo dục liên môn như: môi trường, bình đẳng giới, di sản văn hoá, phòng chống tệ nạn xã hội, tài chính,...

2.4. Xây dựng theo hướng mở

Chương trình chỉ quy định những yêu cầu cần đạt; những nội dung dạy học cơ bản, cốt lõi cho mỗi cấp học, lớp học nhằm đáp ứng yêu cầu cần đạt; những định hướng chung về phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục. Căn cứ vào các yêu cầu cần đạt và định hướng chung của Chương trình, các tác giả SGK, cơ sở giáo dục và GV môn GDCC chủ động, sáng tạo trong quá trình thực hiện và phát triển Chương trình.

3 MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Ở cấp THCS, môn GDCC có mục tiêu:

- a) Giúp HS có hiểu biết về những chuẩn mực đạo đức, pháp luật cơ bản và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực đó; tự hào về truyền thống gia đình, quê hương, dân tộc; tôn trọng, khoan dung, quan tâm, giúp đỡ người khác; tự giác, tích cực học tập và lao động; có thái độ đúng đắn, rõ ràng trước các hiện tượng, sự kiện trong đời sống; có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường, xã hội, công việc và môi trường sống.
- b) Giúp HS có tri thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật; đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác; tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; thực hiện được các công việc để đạt mục tiêu, kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân; biết cách thiết lập, duy trì mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh, thích ứng với xã hội biến đổi và giải quyết các vấn đề đơn giản trong đời sống của cá nhân, cộng đồng phù hợp với giá trị văn hoá, chuẩn mực đạo đức, quy tắc của cộng đồng, quy định của pháp luật và lứa tuổi.

4 YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC

4.1. Yêu cầu cần đạt về các phẩm chất, năng lực chung

Môn GDCC góp phần hình thành và phát triển phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định trong CTGDPT tổng thể:

- Năm phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.
- Ba năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

4.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

4.2.1. Năng lực điều chỉnh hành vi

– Nhận thức chuẩn mực hành vi:

- + Nhận biết được những chuẩn mực đạo đức, pháp luật phổ thông, cơ bản, phù hợp với lứa tuổi và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực hành vi đó.
- + Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lí, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống.
- + Nhận biết được mục đích, nội dung, phương thức giao tiếp và hợp tác trong việc đáp ứng các nhu cầu của bản thân và giải quyết các vấn đề học tập, sinh hoạt hằng ngày.
- + Nhận biết được sự cần thiết phải tiết kiệm tiền; nguyên tắc quản lí tiền; cách lập kế hoạch chi tiêu và tiêu dùng thông minh.

– Đánh giá hành vi của bản thân và người khác:

- + Đánh giá được tác dụng và tác hại của thái độ, hành vi đạo đức và pháp luật của bản thân và người khác trong học tập và sinh hoạt.
- + Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi tích cực; phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi tiêu cực về đạo đức và pháp luật.
- + Đánh giá được bối cảnh giao tiếp, đặc điểm và thái độ của đối tượng giao tiếp; khả năng của bản thân và nguyện vọng, khả năng của các thành viên trong nhóm hợp tác.

– Điều chỉnh hành vi:

- + Tự thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống; phê phán những hành vi, thói quen sống dựa dẫm, ỷ lại.
- + Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi; sống tự chủ, không đua đòi, ăn diện lãng phí, nghịch ngợm hoặc làm những việc xấu (bạo lực học đường, tham gia các tệ nạn xã hội,...); biết rèn luyện, phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế của bản thân, hướng đến các giá trị xã hội.
- + Tự thực hiện và giúp đỡ bạn bè thực hiện được một số hoạt động cơ bản, cần thiết để nhận thức, phát triển, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống.
- + Tiết kiệm tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện, nước; bước đầu biết quản lí tiền, tạo nguồn thu nhập cá nhân và chi tiêu hợp lí.

4.2.2. Năng lực phát triển bản thân

– Tự nhận thức bản thân:

Tự nhận biết được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí và các quan hệ xã hội của bản thân.

- Lập kế hoạch phát triển bản thân:
 - + Xác định được lí tưởng sống của bản thân; lập được mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện, kế hoạch chi tiêu cá nhân phù hợp theo hướng dẫn.
 - + Xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân sau THCS với sự tư vấn của thầy, cô giáo và người thân.
- Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân:
 - + Kiên trì mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện; tự thực hiện được các công việc, nhiệm vụ của bản thân trong học tập và sinh hoạt hằng ngày.
 - + Thực hiện được việc quản lí và chi tiêu tiền hợp lí theo kế hoạch đã đề ra.

4.2.3. Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội

- Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội:
 - + Hiểu được một số kiến thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật.
 - + Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội liên quan đến đạo đức, pháp luật, kĩ năng sống và kinh tế phù hợp với lứa tuổi.
 - + Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin để tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi.
- Tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội:
 - + Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được các vấn đề thường gặp hoặc một số vấn đề về đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi trong những tình huống mới của cá nhân, gia đình, cộng đồng.
 - + Hình thành, duy trì được mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh và thích ứng được với những biến đổi xã hội.
 - + Nêu được tình huống có vấn đề; hình thành được ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; có khả năng tham gia thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi.
 - + Biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp; đề xuất được phương án tổ chức, chủ động hoàn thành nhiệm vụ được giao; khiêm tốn học hỏi và giúp đỡ các thành viên khác cùng hoàn thành nhiệm vụ của nhóm trong hợp tác giải quyết các vấn đề học tập, lao động và hoạt động cộng đồng.

5 NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG

Chương trình môn GDCC ở cấp THCS được xây dựng theo 4 mạch nội dung giáo dục: 1/Giáo dục đạo đức; 2/Giáo dục kĩ năng sống; 3/Giáo dục kinh tế; 4/Giáo dục pháp luật. Các mạch nội dung được phân phối với 35% thời gian dành cho giáo dục đạo đức, 25% giáo dục pháp luật, 20% giáo dục kĩ năng sống, 10% giáo dục kinh tế và 10% dành cho kiểm tra, đánh giá.

Nội dung khái quát môn GD&CD cấp THCS

Nội dung		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC (35%)	Yêu nước	1. Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ	1. Tự hào về truyền thống quê hương	1. Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam	1. Sống có lí tưởng
	Nhân ái	2. Yêu thương con người	2. Quan tâm, cảm thông và chia sẻ	2. Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc	2. Khoan dung
	Chăm chỉ	3. Siêng năng, kiên trì	3. Học tập tự giác, tích cực	3. Lao động cần cù, sáng tạo	3. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng
	Trung thực	4. Tôn trọng sự thật	4. Giữ chữ tín	4. Bảo vệ lẽ phải	4. Khách quan và công bằng
	Trách nhiệm	5. Tự lập	5. Bảo tồn di sản văn hoá	5. Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên	5. Bảo vệ hoà bình
GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG (20 %)	Kĩ năng nhận thức, quản lí bản thân	6. Tự nhận thức bản thân	6. Ứng phó với tâm lí căng thẳng	6. Xác định mục tiêu cá nhân	6. Quản lí thời gian hiệu quả
	Kĩ năng tự vệ	7. Ứng phó với tình huống nguy hiểm	7. Phòng, chống bạo lực học đường	7. Phòng, chống bạo lực gia đình	7. Thích ứng với thay đổi
GIÁO DỤC KINH TẾ (10%)	Hoạt động tiêu dùng	8. Tiết kiệm	8. Quản lí tiền	8. Lập kế hoạch chi tiêu	8. Tiêu dùng thông minh
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (25%)	Quyền và nghĩa vụ của công dân	9. Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	9. Phòng, chống tệ nạn xã hội	9. Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại	9. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí
		10. Quyền trẻ em	10. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình	10. Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân	10. Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế

6 PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC GIÁO DỤC CÔNG DÂN PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH

6.1. Định hướng phương pháp dạy học Giáo dục công dân phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh

Môn GDCCD hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất và năng lực của người công dân thông qua các bài học về lối sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế, tức là chuyển các giá trị văn hoá, đạo đức, các kiến thức pháp luật, kinh tế thành ý thức và hành vi của người công dân. Do vậy, GV phải có phương pháp giáo dục phù hợp, cụ thể là:

- Chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để HS khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lý tình huống thực tiễn, trường hợp điển hình; tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp của thực tế cuộc sống xung quanh, gắn gũi với đời sống HS trong việc phân tích, đối chiếu, minh hoạ để các bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả; coi trọng tổ chức các hoạt động trải nghiệm để HS tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kĩ năng và thái độ tích cực, trên cơ sở đó hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai.

- Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học; tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu những tấm gương công dân tiêu biểu; xử lý tình huống có tính thời sự về đạo đức, pháp luật và kinh tế trong cuộc sống hằng ngày; thảo luận nhóm; sắm vai; dự án;...

- Kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp và ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kĩ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS.

- Phối hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục ở gia đình và xã hội: Chú trọng lựa chọn, bổ sung nội dung dạy học và tổ chức các hoạt động học tập để HS liên hệ, vận dụng kiến thức đã học vào xử lý các tình huống thường gặp trong gia đình, ngoài xã hội; Phối hợp với gia đình và các tổ chức xã hội để tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS ở ngoài lớp học, trường học, giúp cho các hoạt động của HS được diễn ra an toàn và đạt hiệu quả giáo dục; Kết hợp với gia đình và các tổ chức xã hội trong đánh giá kết quả giáo dục, đặc biệt là đánh giá thường xuyên để bảo đảm đánh giá chính xác mức độ HS đạt được các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực.

6.2. Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, kĩ thuật dạy học Giáo dục công dân

6.2.1. Phương pháp thảo luận nhóm

- *Đặc điểm:* Thảo luận nhóm là phương pháp tổ chức cho HS trao đổi với nhau theo

nhóm để đưa ra phương án giải quyết một tình huống, một vấn đề nào đó liên quan đến bài học.

– *Tác dụng*: Phương pháp này được sử dụng rộng rãi nhằm giúp HS tham gia một cách chủ động vào quá trình học tập, HS có thể chia sẻ kinh nghiệm, ý kiến hay để giải quyết một vấn đề, một tình huống liên quan đến bài học. Nhờ thảo luận nhóm, kiến thức của HS sẽ không mang tính chủ quan, phiến diện mà sâu sắc, bền vững, dễ nhớ và nhớ lâu hơn; HS phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác, hoà đồng, tự tin hơn, biết lắng nghe, nhận xét ý kiến của bạn, biết trình bày ý kiến của mình, biết xử lý tình huống liên quan đến bài học.

– *Cách tiến hành*: 1/Giới thiệu vấn đề thảo luận; nêu các câu hỏi có liên quan đến vấn đề; 2/Chia HS thành các nhóm, giao nhiệm vụ để các nhóm tiến hành thảo luận, xác định thời gian thảo luận; 3/HS thảo luận, nhóm trưởng hoặc thư kí ghi chép các ý kiến ra giấy; 4/Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp, các HS khác lắng nghe, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu có); 5/GV nhận xét, kết luận.

– *Những điều cần lưu ý khi sử dụng*: 1/Chủ đề thảo luận phải sát với nội dung bài học và với trình độ HS; 2/Cách chia nhóm cần linh hoạt, luôn thay đổi để tạo điều kiện cho mỗi HS được giao lưu với tất cả HS trong lớp, tránh chỉ giới hạn trong một nhóm cố định; 3/Nếu không khí trầm lắng, có thể bắt đầu cuộc thảo luận bằng một câu chuyện hoặc một bức tranh gợi ý; 4/Kết quả thảo luận nhóm cần trưng bày trên bảng hoặc xung quanh tường của lớp học; 5/HS được luân phiên làm nhóm trưởng, thư kí để được rèn luyện các kĩ năng cần thiết; 6/Trong khi các nhóm thảo luận, GV phải đến từng nhóm, quan sát, lắng nghe; kịp thời phát hiện những khó khăn, lúng túng của HS để có sự hỗ trợ, giúp đỡ, điều chỉnh kịp thời.

Tất cả các bài trong SGK Giáo dục công dân 9 đều được thiết kế theo hướng có thể sử dụng phương pháp thảo luận nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập.

Ví dụ: Bài 1 “Sống có lí tưởng”: Thảo luận nhóm để tìm hiểu khái niệm và ý nghĩa của chuẩn hành vi: “Thế nào là sống có lí tưởng và ý nghĩa của sống có lí tưởng?”, “Theo em, học sinh cần làm gì để thực hiện nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam ngày nay?” (hoạt động Khám phá); Thảo luận nhóm để bày tỏ thái độ, nhận xét việc làm (hoạt động Luyện tập).

6.2.2. Phương pháp sắm vai

– *Đặc điểm*: Sắm vai là phương pháp GV tổ chức cho HS thực hành cách ứng xử, bày tỏ thái độ trong một tình huống giả định.

– *Tác dụng*: Sắm vai giúp HS thực hành những kĩ năng trong môi trường an toàn, được giám sát trước khi xảy ra các tình huống thực; gây được hứng thú và chú ý đối với người học; tạo điều kiện phát triển năng lực sáng tạo của HS; giúp HS thấy ngay tác dụng và hiệu quả của lời nói hoặc việc làm của các vai diễn, từ đó khích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của HS.

– *Cách tiến hành*: 1/GV giới thiệu tình huống; 2/Các nhóm thảo luận, xây dựng kịch bản và phân công sắm vai; 3/Các nhóm lên sắm vai; 4/HS quan sát, nhận xét, đánh giá; 5/GV nhận xét, kết luận.

– *Những điều cần lưu ý khi sử dụng*: 1/Tính mục đích của tình huống phải thật rõ ràng; 2/Tình huống phải dễ sắm vai, không nên quá phức tạp; 3/Mọi HS đều được tham gia vào quá trình thảo luận, xây dựng kịch bản, được sắm vai hoặc phục vụ cho việc sắm vai của các bạn trong nhóm. Nên khích lệ cả những HS nhút nhát cùng tham gia.

Ví dụ: Sắm vai thể hiện 4 tình huống trong bài Luyện tập số 3 (Bài 9 “Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý”)

- + GV chia lớp thành 8 nhóm, nêu yêu cầu: Hai nhóm sắm vai xử lý một tình huống.
- + Các nhóm thảo luận xây dựng kịch bản, phân vai. Nhóm trưởng/thư kí ghi vào phiếu học tập.
- + GV mời một vài nhóm lên sắm vai. Các HS khác quan sát, nhận xét.
- + GV nhận xét, khen ngợi nhóm có kịch bản và sắm vai tốt.

6.2.3. Phương pháp giải quyết vấn đề

– *Đặc điểm*: Giải quyết vấn đề là cách thức hướng dẫn HS phát hiện ra vấn đề, xem xét, phân tích những hiện tượng đạo đức, pháp luật,... đang tồn tại và xác định cách giải quyết vấn đề đó.

– *Cách tiến hành*: 1/Nêu ra một tình huống, một trường hợp chứa đựng mâu thuẫn trong thực tế cuộc sống cần giải quyết; 2/Giúp HS nêu ra được những cách khác nhau để giải quyết vấn đề; 3/Quyết định chọn giải pháp tối ưu để giải quyết vấn đề.

– *Những điều cần lưu ý khi sử dụng*: 1/Vấn đề được lựa chọn phải phù hợp với mục tiêu dạy học và gần với thực tế; 2/Phải phát huy được suy nghĩ sáng tạo của HS; 3/Lựa chọn cách giải quyết vấn đề là giải pháp có lợi nhất, tối ưu nhất.

Ví dụ: Một số tình huống có vấn đề cần giải quyết: “Do không tìm hiểu kĩ, Q nói với thầy giáo rằng P làm hỏng thiết bị của phòng thí nghiệm. Bị phê bình oan, P giận và nói sẽ không bao giờ chơi với Q nữa. Cuối năm học, Q cùng gia đình chuyển tới nơi khác. Trước khi đi, Q nhắn tin muốn gặp để chào và xin lỗi P. Khi ấy, P vẫn còn giận Q nên bản khoăn không biết có nên gặp Q không” (Bài 2 “Khoan dung”); “Bạn B lần đầu sống xa nhà để lên thành phố học. Ở một mình, B chưa biết cân đối tài chính, mua sắm nhiều thứ không cần thiết nên thường xuyên bị thiếu tiền ăn, thậm chí tiêu cả vào tiền thuê nhà. Sống một mình, không có ai nhắc nhở nên nhiều khi B mải chơi theo bạn, đi sớm về khuya, không để ý chuyện học tập” (Bài 6 “Thích ứng với thay đổi”).

- + GV đặt HS vào hoàn cảnh phải giải quyết vấn đề: Em sẽ làm gì nếu ở trong các tình huống đó? (Hoặc: Em sẽ khuyên bạn như thế nào/Em sẽ nói gì với bạn?...).
- + HS làm việc nhóm, phân tích tình huống, nêu ra một số hướng giải quyết vấn đề.

+ GV nhận xét, khen ngợi HS có cách giải quyết vấn đề đúng; có thể khéo léo nêu câu hỏi gợi ý để HS có cách giải quyết vấn đề chưa đúng tự nhận thấy mâu thuẫn trong cách xử lí của mình.

6.2.4. Phương pháp tổ chức trò chơi

– *Đặc điểm*: Tổ chức trò chơi là phương pháp dạy học có hiệu quả để thu hút sự tham gia của HS. Việc tổ chức cho HS chơi các trò chơi để hình thành, củng cố kiến thức, kĩ năng mới là rất cần thiết để tạo hứng thú học tập cho HS ở tất cả các bước: Mở đầu, Khám phá, Luyện tập.

– *Tác dụng*: 1/Tổ chức trò chơi là một hình thức học tập bằng hoạt động, hấp dẫn HS do đó duy trì tốt hơn sự chú ý của HS với bài học; 2/Trò chơi làm thay đổi hình thức học tập chỉ bằng hoạt động trí tuệ, do đó giảm tính chất căng thẳng của giờ học, nhất là các giờ học kiến thức lí thuyết mới; 3/Việc tham gia trò chơi tạo cơ hội phát triển năng lực giao tiếp – hợp tác cho HS.

– *Cách tiến hành*: 1/GV giới thiệu tên, mục đích của trò chơi; 2/Hướng dẫn chơi: Số người tham gia, số đội tham gia, quản trò, trọng tài, các dụng cụ dùng để chơi, cách chơi (từng việc làm cụ thể của người chơi hoặc đội chơi, thời gian chơi, những điều người chơi không được làm, cách xác nhận kết quả); 3/Thực hiện trò chơi; 4/Nhận xét sau cuộc chơi, nêu kiến thức, kĩ năng của bài học rút ra qua trò chơi.

– *Những điều cần lưu ý khi sử dụng*: 1/Lựa chọn những trò chơi có nội dung phù hợp với bài học. GV và HS có thể dựa trên nội dung bài học để sáng tạo ra trò chơi mới; 2/Cần biết rõ mục đích trò chơi như: chơi để khởi động giới thiệu bài, để thư giãn hay chuyển tải, củng cố kiến thức,...; 3/Cần nắm được quy tắc chơi và tôn trọng luật chơi; 4/Phải dễ tổ chức và thực hiện; 5/Sau khi chơi, HS cần rút ra được bài học thông qua trò chơi.

Ví dụ: Trò chơi “Ai nhanh, ai đúng” (Bài 2 “Khoan dung”): Tìm các câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ, danh ngôn về lòng khoan dung. GV chia lớp thành các nhóm, phát giấy và bút dạ để các nhóm ghi kết quả tìm kiếm. Trong cùng một thời gian, nhóm nào tìm được nhiều câu đúng hơn sẽ thắng. HS cũng có thể chơi “Tiếp sức”. GV chọn hai nhóm chơi, kẻ bảng làm đôi, lần lượt các HS trong nhóm sẽ lên bảng viết một câu theo yêu cầu. Hoặc GV có thể tổ chức trò chơi “Đổi mặt”, mời 4 – 5 HS đứng thành vòng tròn, tới lượt HS nào thì HS đó phải đọc nhanh một câu theo yêu cầu, không được trùng với câu mà các HS khác đã đọc, HS còn lại cuối cùng sẽ chiến thắng.

6.2.5. Phương pháp điều tra

– *Đặc điểm*: Điều tra là phương pháp tổ chức cho HS tìm hiểu thực trạng cuộc sống xung quanh liên quan tới nội dung giáo dục của chủ đề/bài học.

– *Tác dụng*: 1/Hình thành kĩ năng thu thập, xử lí, trình bày và truyền đạt thông tin; 2/Kết nối tri thức với cuộc sống, tạo điều kiện để HS tìm hiểu những vấn đề thực tiễn gắn với bài học, phát hiện và làm phong phú hơn những vấn đề đã học.

– *Cách tiến hành:*

+ Chuẩn bị: 1/Xác định mục đích, nội dung, đối tượng điều tra; 2/Dự kiến thời gian, hình thức, địa điểm điều tra, cách tiến hành điều tra, cách đánh giá kết quả, phối hợp các lực lượng giáo dục để hỗ trợ HS; 3/Chuẩn bị phiếu điều tra.

+ Thực hiện: 1/GV giới thiệu nội dung điều tra; 2/Phân công nhiệm vụ điều tra cho HS; 3/Hướng dẫn HS điều tra, ghi chép và xử lý thông tin.

+ Báo cáo kết quả điều tra: 1/HS báo cáo kết quả điều tra; 2/Các HS khác nhận xét; 3/GV nhận xét, đánh giá, kết luận.

– *Những điều cần lưu ý khi sử dụng:* 1/Nội dung điều tra cần phù hợp với chủ đề/bài học, khả năng, kinh nghiệm của HS và điều kiện thực tế; 2/Nhiệm vụ điều tra mang ý nghĩa xã hội, có tác dụng giáo dục thiết thực; 3/HS được tổ chức theo nhóm (mỗi nhóm nhiều trình độ; các nhóm trình độ tương đương) để tạo ra sự cân sức giữa các nhóm; 4/Nên tạo điều kiện cho các nhóm có sản phẩm điều tra tốt lên trình bày; HS được giải thích cách điều tra, tranh luận, bổ sung ý kiến cho nhau.

Ví dụ: Trong bài 10 “Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế”, HS có thể làm việc nhóm, khảo sát, điều tra về một số hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh hoặc nghĩa vụ nộp thuế ở địa phương.

6.2.6. Phương pháp dạy học dự án

– *Đặc điểm:* Dạy học dự án là phương pháp trong đó HS dưới sự hướng dẫn và giúp đỡ của GV để thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, nhằm tạo ra sản phẩm và giới thiệu chúng.

– *Tác dụng:* Đây là một hình thức dạy học lấy HS làm trung tâm, giúp HS phát triển kiến thức và các kĩ năng liên quan thông qua những nhiệm vụ mang tính mở, khuyến khích HS tìm tòi, hiện thực hoá những kiến thức đã học trong quá trình thực hiện và tạo ra những sản phẩm của chính mình.

– *Cách tiến hành:*

+ *Bước 1:* Chuẩn bị: Lập kế hoạch: Xác định chủ đề dự án, mục tiêu cần hướng tới, nhiệm vụ phải làm, sản phẩm dự kiến, cách triển khai và thực hiện hoàn thành dự án, thời gian thực hiện và hoàn thành, phân công công việc.

+ *Bước 2:* Thực hiện dự án: 1/Thu thập thông tin qua nhiều kênh như: Internet, báo chí, truyền hình, thư viện,...; quan sát, điều tra, phỏng vấn,...; 2/Xử lý thông tin qua thống kê, phân tích số liệu; 3/Thảo luận nhóm, trao đổi, chia sẻ dữ liệu, giải quyết vấn đề, kiểm tra tiến độ, xin ý kiến GV.

+ *Bước 3:* Kết thúc dự án: Tổng hợp kết quả: 1/Xây dựng sản phẩm (bài thuyết trình, báo cáo,...); 2/Trình bày sản phẩm; 3/Đánh giá dự án: Giá trị của sản phẩm, bài học rút ra, tinh thần làm việc nhóm, những điểm cần phát huy, những điểm cần thay đổi, cải thiện.

– *Những điều cần lưu ý khi sử dụng:* 1/Dự án cần góp phần gắn việc học tập trong nhà trường với thực tiễn đời sống; 2/Nhiệm vụ dự án cần phù hợp với trình độ và khả năng của HS; 3/Nội dung dự án có sự kết hợp tri thức của nhiều lĩnh vực hoặc môn học khác nhau nhằm giải quyết một vấn đề mang tính phức hợp; 4/Đối với HS cấp THCS, các dự án học tập nên được thực hiện theo nhóm.

Ví dụ: Trong bài 3 “Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng”, GV có thể hướng dẫn HS lập dự án tham gia một hoạt động cộng đồng với các gợi ý:

+ Tên hoạt động; Mục đích của hoạt động; Những việc cần làm; Thời gian, địa điểm; Cách thức thực hiện; Người phối hợp thực hiện.

+ Thực hiện dự án.

+ Viết báo cáo kết quả thực hiện dự án; Báo cáo sản phẩm.

6.2.7. Kỹ thuật kích thích tư duy

– *Đặc điểm:* Kích thích tư duy là một kỹ thuật dạy học dựa vào những hiểu biết sẵn có của HS, đặt ra một hệ thống câu hỏi gợi mở kích thích để HS liên tưởng giữa điều đã biết với thực tiễn, hình thành ở các em ý tưởng mới, đề xuất cách giải quyết những mâu thuẫn để HS hiểu các vấn đề đạo đức, pháp luật.

– *Tác dụng:* 1/Huy động trải nghiệm của HS vào quá trình dạy học; 2/Phát triển kỹ năng phản biện, năng lực tư duy sáng tạo của HS.

– *Cách tiến hành:* 1/Qua một số câu hỏi gợi mở, GV nêu vấn đề cần được tìm hiểu trước HS cả lớp hoặc trước nhóm để HS suy nghĩ; 2/Kích lệ HS phát biểu và đóng góp ý kiến; 3/Liệt kê tất cả các ý kiến phát biểu trên bảng hoặc giấy khổ lớn, không loại trừ một ý kiến nào, trừ trường hợp trùng lặp; 4/Phân loại các ý kiến; 5/Làm sáng tỏ những ý kiến chưa rõ ràng và thảo luận sâu từng ý kiến; 6/Tổng hợp ý kiến, giải đáp thắc mắc, kết luận.

Kỹ thuật này được áp dụng trong tất cả các bài học GDCD lớp 9.

6.2.8. Kỹ thuật khăn trải bàn

– *Đặc điểm:* Kỹ thuật khăn trải bàn là cách thức tổ chức hoạt động học tập mang tính hợp tác kết hợp giữa hoạt động cá nhân và nhóm. HS sử dụng giấy khổ lớn để ghi nhận ý kiến cá nhân và ý kiến thống nhất chung của nhóm vào các phần được bố trí như khăn trải bàn.

– *Tác dụng:* 1/Thúc đẩy sự tham gia tích cực, tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân HS trong quá trình học tập theo nhóm; 2/Huy động trí tuệ tập thể của nhóm trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ; 3/Có công cụ để ghi nhận kết quả làm việc của cá nhân và thảo luận nhóm. Tuy nhiên, kỹ thuật này đòi hỏi về không gian lớp học và đồ dùng dạy học phù hợp (giấy khổ lớn, bút dạ,...); cần thời gian phù hợp để HS làm việc cá nhân và thống nhất ý kiến trong nhóm.

– *Cách tiến hành:* 1/HS được chia thành các nhóm nhỏ từ 4 đến 6 HS. Mỗi nhóm có một tờ giấy khổ lớn; 2/HS chia tờ giấy thành các phần, bao gồm một phần trung tâm và các phần xung quanh có số lượng bằng với số thành viên trong nhóm; 3/Mỗi thành viên ngồi vào vị trí tương ứng với phần xung quanh; 4/Mỗi thành viên làm việc độc lập, suy nghĩ và viết các ý tưởng về nhiệm vụ được giao vào ô của mình trong thời gian quy định. Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất câu trả lời. Đại diện nhóm ghi các ý tưởng được thống nhất vào phần trung tâm của “khăn trải bàn”.



Ví dụ: Bằng kỹ thuật khăn trải bàn, GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để thực hiện yêu cầu trong SGK: Theo em, thế nào là lòng khoan dung? Lòng khoan dung có ý nghĩa gì trong cuộc sống? (Bài 2 “Khoan dung”). HS làm việc cá nhân, suy nghĩ để trả lời câu hỏi, ghi vào ô của cá nhân trên khăn trải bàn, sau đó thống nhất ý kiến, ghi vào khoảng giữa “khăn trải bàn”.

6.2.9. Kỹ thuật các mảnh ghép

– *Đặc điểm:* Kỹ thuật các mảnh ghép là cách thức tổ chức hoạt động học tập hợp tác, trong đó HS sẽ hoàn thành một nhiệm vụ phức hợp qua hai giai đoạn. Đầu tiên, HS hoạt động theo nhóm để giải quyết các nhiệm vụ thành phần sao cho mỗi cá nhân trở thành chuyên gia của vấn đề được giao. Sau đó, chuyên gia thuộc các vấn đề khác nhau sẽ kết hợp trong nhóm mới, chia sẻ lại vấn đề đã tìm hiểu để cùng giải quyết nhiệm vụ phức hợp ban đầu.

– *Tác dụng:* 1/Kỹ thuật dạy học này giúp giải quyết được nhiệm vụ phức hợp dựa trên học tập hợp tác hiệu quả; 2/Khuyến khích sự tham gia tích cực của HS trong hoạt động nhóm, nâng cao vai trò cá nhân trong quá trình hợp tác; 3/Phát triển năng lực giao tiếp cho mỗi HS thông qua việc chia sẻ trong nhóm mảnh ghép; 4/Tạo cơ hội cho HS hiểu sâu một vấn đề. HS không những hoàn thành nhiệm vụ mà còn phải chia sẻ cho người khác.

Tuy nhiên, kỹ thuật này đòi hỏi thời gian hoạt động dài khi tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ học tập với hai nhóm khác nhau trong hai vòng.

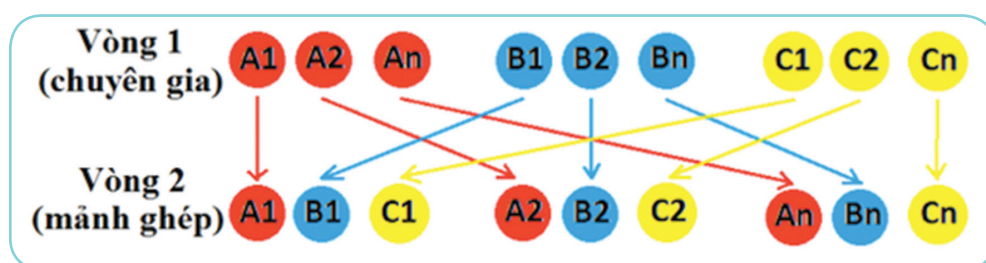
– Cách tiến hành:

+ Vòng 1: Nhóm chuyên gia

- Hoạt động theo nhóm, mỗi nhóm được phân công một nhiệm vụ cụ thể.
- Khi thực hiện nhiệm vụ học tập, nhóm phải đảm bảo mỗi thành viên đều trở thành chuyên gia của lĩnh vực đã tìm hiểu và có khả năng trình bày lại kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhóm ở vòng 2.

+ Vòng 2:

- Hình thành nhóm mảnh ghép sao cho các nhóm có tối thiểu một thành viên đến từ mỗi nhóm chuyên gia.
- Kết quả thực hiện nhiệm vụ của vòng 1 được các thành viên trong nhóm mảnh ghép chia sẻ đầy đủ với nhau.
- Sau khi tất cả các thành viên chia sẻ, các nhóm mảnh ghép thảo luận và thống nhất phương án giải quyết nhiệm vụ phức hợp ban đầu.



Ví dụ: Sử dụng kĩ thuật các mảnh ghép trong bài 9 “Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý”.

+ Vòng 1: Nhóm chuyên gia

- GV giao nhiệm vụ chung:

Đọc các thông tin và trường hợp trong SGK (tr.44) và trả lời câu hỏi:

- a) Chủ thể trong trường hợp 1 đã vi phạm pháp luật loại nào? Vì sao? Nêu một ví dụ vi phạm pháp luật cùng loại.
- b) Chủ thể trong trường hợp 2 đã vi phạm pháp luật loại nào? Vì sao? Nêu một ví dụ vi phạm pháp luật cùng loại.
- c) Chủ thể trong trường hợp 3 đã vi phạm pháp luật loại nào? Vì sao? Nêu một ví dụ vi phạm pháp luật cùng loại.
- d) Chủ thể trong trường hợp 4 đã vi phạm pháp luật loại nào? Vì sao? Nêu một ví dụ vi phạm pháp luật cùng loại.

- GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ (hoặc chia lớp thành 8 nhóm, 2 nhóm thực hiện một nhiệm vụ). HS trong nhóm thảo luận nhiệm vụ được phân công và ghi chép kết quả thảo luận để chia sẻ ở vòng 2.

+ Vòng 2: Nhóm mảnh ghép.

Hình thành nhóm mới, trong đó mỗi nhóm đều có 1 – 2 thành viên đến từ các nhóm trước, đóng vai trò là các chuyên gia chia sẻ kết quả thực hiện nhiệm vụ từ nhóm trước. GV có thể tiếp tục sử dụng kỹ thuật này cho HS tìm hiểu về 4 loại trách nhiệm pháp lý trong bài này.

6.2.10. Kỹ thuật trạm

– *Đặc điểm*: Dạy học theo trạm là một kiểu tổ chức dạy học, theo đó HS thực hiện các nhiệm vụ học tập khác nhau tại các vị trí cụ thể trong không gian lớp học. Đây là cách dạy học nhấn mạnh vào khả năng làm việc độc lập của các nhóm. Lớp học được chia thành nhiều trạm, bố trí ở các vị trí khác nhau trong lớp, mỗi trạm gắn với một nhiệm vụ cụ thể độc lập với các trạm khác. Sau khi thực hiện xong nhiệm vụ ở mỗi trạm, HS sẽ luân phiên di chuyển đến các trạm tiếp theo để thực hiện nhiệm vụ. Khi hoàn thành nhiệm vụ sớm có thể đến các trạm chờ. Cứ như thế cho đến khi thực hiện xong nhiệm vụ ở tất cả các trạm thì sẽ lên thuyết trình.

– *Tác dụng*: Dạy học theo trạm kích thích hứng thú, say mê nghiên cứu, rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề phức hợp, gắn lý thuyết với thực hành, tư duy và hành động, rèn luyện năng lực cộng tác theo nhóm với những nhiệm vụ độc lập khác nhau tại các trạm xác định.

– *Cách tiến hành*:

Bước 1: Thống nhất nội quy học tập theo trạm

GV giới thiệu số lượng các trạm và nội dung học tập ở các trạm, phiếu học tập – phiếu hỗ trợ, bảng hoạt động nhóm và cách làm việc trên các phiếu học tập.

Bước 2: Chia nhóm

GV có thể cho HS tự chia nhóm theo sở thích hoặc GV chia nhóm để việc học được thuận lợi và tránh mất nhiều thời gian.

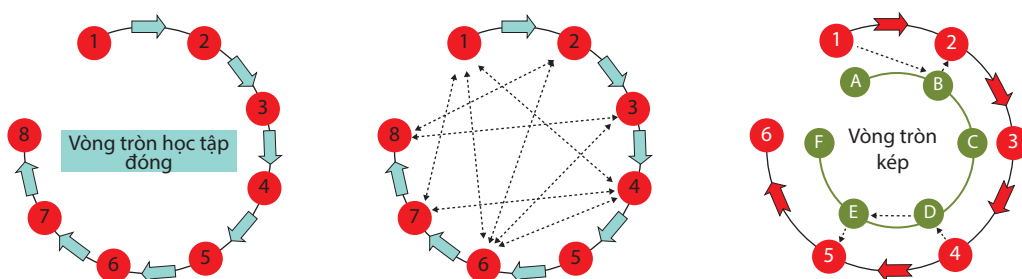
Bước 3: Thực hiện nhiệm vụ

HS có thể làm việc cá nhân, theo cặp hay theo nhóm tùy theo yêu cầu nhiệm vụ học tập ở mỗi trạm. GV quan sát và trợ giúp cho những HS gặp phải khó khăn trong quá trình giải quyết các nhiệm vụ học tập.

Trong quá trình học tập theo trạm, HS phải thực hiện các nhiệm vụ khác nhau ở các trạm khác nhau, sau khi hoàn thành nhiệm vụ ở mỗi trạm HS lại chuyển qua các trạm mới.

Bước 4: Tổng kết kết quả học tập

Sau khi các nhóm đã hoàn thành nhiệm vụ ở tất cả các trạm theo thời gian quy định, từng nhóm cử đại diện trình bày kết quả. Khi các nhóm đã báo cáo xong, GV trình chiếu đáp án hoặc các nhóm trao đổi bài làm cho nhau để đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của các nhóm ở từng trạm, trên cơ sở đó đánh giá – cho điểm các nhóm khác đối với hai tiêu chí: đánh giá tính tích cực của nhóm và đánh giá trên kết quả bài làm.



Ví dụ: Trong bài 9 “Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí”, có thể sử dụng kĩ thuật trạm thay cho kĩ thuật các mảnh ghép (ví dụ ở mục 6.2.9).

Lưu ý: Cần sử dụng linh hoạt, phối hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học. Chẳng hạn, để xử lí các tình huống trong bài 4 “Khách quan và công bằng”, có thể sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, sắm vai, giải quyết vấn đề,...

7 KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Việc đánh giá kết quả học tập môn GD&ĐT căn cứ theo Thông tư số 22/2021/TT-BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT Quy định về đánh giá HS THCS và HS THPT.

7.1. Mục đích

Đánh giá nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS theo yêu cầu cần đạt được quy định trong CTGDPT môn GD&ĐT; cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để HS điều chỉnh hoạt động rèn luyện và học tập, CBQLGD và GV điều chỉnh hoạt động dạy học.

7.2. Yêu cầu

- Đánh giá căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong CTGDPT môn GD&ĐT.
- Đánh giá bảo đảm tính chính xác, toàn diện, công bằng, trung thực và khách quan.
- Đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kĩ thuật và công cụ khác nhau; kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.
- Đánh giá vì sự tiến bộ của HS; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong rèn luyện và học tập của HS; không so sánh HS với nhau.

7.3. Hình thức đánh giá

Môn GD&ĐT là môn học kết hợp hai hình thức đánh giá:

- Đánh giá bằng nhận xét:
 - + GV dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS; nhận xét sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của HS trong quá trình rèn luyện và học tập; đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS.
 - + HS dùng hình thức nói hoặc viết để tự nhận xét về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của bản thân.

- + Cha mẹ HS, cơ quan, tổ chức, cá nhân có tham gia vào quá trình giáo dục HS cung cấp thông tin phản hồi về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS.
- + Đánh giá bằng nhận xét kết quả rèn luyện và học tập của HS được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS phù hợp với đặc thù của môn học.
- Đánh giá bằng điểm số:
- + GV dùng điểm số để đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS.
- + Đánh giá bằng điểm số được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS phù hợp với đặc thù của môn học.
- + Kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10. Điểm đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

7.4. Nội dung đánh giá

Việc đánh giá sẽ được xác định trên mức độ đạt được của HS về những phẩm chất và năng lực sau:

- Những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.
- Những năng lực chung và năng lực đặc thù:
- + Năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- + Năng lực đặc thù của môn GDCCD: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội.

7.5. Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì

Đánh giá kết quả trong môn GDCCD được thực hiện thông qua đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

7.5.1. Đánh giá thường xuyên

Đánh giá thường xuyên là hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS diễn ra trong quá trình thực hiện hoạt động dạy học theo yêu cầu cần đạt được quy định trong CTGDPT; cung cấp thông tin phản hồi cho GV và HS để kịp thời điều chỉnh trong quá trình dạy học; hỗ trợ, thúc đẩy sự tiến bộ của HS; xác nhận kết quả đạt được của HS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ rèn luyện và học tập.

7.5.2. Đánh giá định kì

Đánh giá định kì là hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện và học tập sau một giai đoạn trong năm học nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS theo yêu cầu cần đạt được quy định trong CTGDPT; cung cấp thông tin phản hồi cho CBQLGD, GV, HS để điều chỉnh hoạt động dạy học; xác nhận kết quả đạt được của HS.

Đánh giá định kì, gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

– Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đối với môn GD&CD là 45 phút.

– Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, để kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong CTGDPT.

– Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng nhận xét, bài thực hành, dự án học tập, phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong CTGDPT trước khi thực hiện.

Trong mỗi học kì, môn GD&CD đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có 01 (một) điểm đánh giá giữa kì (sau đây viết tắt là ĐĐG_{gk}) và 01 (một) điểm đánh giá cuối kì (sau đây viết tắt là ĐĐG_{ck}).

Điểm trung bình môn học kì (sau đây viết tắt là ĐTB_{mhk}) được tính như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mhk}} = \frac{\text{TĐĐG}_{\text{tx}} + 2 \times \text{ĐĐG}_{\text{gk}} + 3 \times \text{ĐĐG}_{\text{ck}}}{\text{Số ĐĐG}_{\text{tx}} + 5}$$

TĐĐG_{tx}: Tổng điểm đánh giá thường xuyên.

– Điểm trung bình môn cả năm (viết tắt là ĐTB_{mcn}) được tính như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mcn}} = \frac{\text{ĐTB}_{\text{mhkI}} + 2 \times \text{ĐTB}_{\text{mhkII}}}{3}$$

ĐTB_{mhkI}: Điểm trung bình môn học kì I.

ĐTB_{mhkII}: Điểm trung bình môn học kì II.

7.6. Phương pháp đánh giá

7.6.1. Phương pháp kiểm tra viết

Kiểm tra viết là phương pháp kiểm tra phổ biến, có hai loại là kiểm tra viết tự luận và kiểm tra viết trắc nghiệm khách quan.

– Trắc nghiệm khách quan, gồm:

+ Trắc nghiệm đa phương án: Ví dụ:

Lí tưởng sống là gì?

A. Mục đích cao đẹp nhất mà con người mong muốn đạt tới.

B. Mọi ước mơ của con người trong cuộc đời.

C. Những nhiệm vụ mà mỗi người phải thực hiện trong cuộc sống.

D. Những quyền lợi mà con người được hưởng trong xã hội.

+ Trắc nghiệm ghép đôi: Ví dụ: Ghép nội dung ở cột A với nội dung ở cột B sao cho phù hợp.

A	B
1. Khách quan	a. Nói theo ý kiến của số đông.
2. Công bằng	b. Nhìn nhận, đánh giá đúng bản chất của đối tượng.
	c. Đảm bảo sự bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ của con người trước pháp luật.

+ Trắc nghiệm đúng/sai: Ví dụ: Hãy chọn phương án đúng, sai bằng cách đánh dấu X vào các cột tương ứng trong bảng dưới đây:

Trường hợp	Đúng	Sai
a. Dẫn vật vì đã mắc lỗi với người thân, K quyết định sẽ nói ra sự thật, xin lỗi và hứa sẽ không lặp lại sai lầm để lòng thanh thản.		
b. P thường ôn tồn, thuyết phục, góp ý giúp những bạn có khuyết điểm nhận ra và sửa chữa khuyết điểm của bản thân.		
c. G hay chê những người không cùng quan điểm, sở thích với mình.		
d. Trong các cuộc thảo luận, M thường lắng nghe, tôn trọng người có ý kiến không giống mình.		
e. H mắc lỗi và đã sửa lỗi rồi nhưng A vẫn nhắc lại nhiều lần, bảo là để cho H nhớ, lần sau không mắc nữa.		
g. K tìm cách trả đũa Q vì đã làm điều không tốt cho mình.		
h. Y thường bỏ qua lỗi nhỏ cho các bạn.		

– *Tự luận:*

+ Câu tự luận trả lời có giới hạn: Ví dụ: Nêu từ 3 đến 5 hành vi ... và chỉ ra tác dụng của hành vi đó.

+ Câu tự luận có sự trả lời mở rộng: Ví dụ: Hãy viết một đoạn văn bình luận về ý kiến: “Đời người chỉ sống có một lần. Phải sống sao cho khỏi xót xa, ân hận vì những năm tháng đã sống hoài, sống phí..., để khi nhắm mắt xuôi tay có thể nói rằng: tất cả đời ta, tất cả sức ta, ta đã hiến dâng cho sự nghiệp cao đẹp nhất trên đời, sự nghiệp đấu tranh giải phóng loài người...” (Ostrovsky).

– *Kết hợp trắc nghiệm – tự luận:*

Ví dụ: Với câu trắc nghiệm đúng/sai, cần yêu cầu HS giải thích sự lựa chọn của mình. *Hành vi nào dưới đây thể hiện thái độ khách quan, công bằng? Vì sao?*

(Khoanh tròn vào chữ cái trước các phương án đúng)

- A. Bảo vệ quyền lợi của người thân bằng mọi cách.
- B. Đề cử những bạn có uy tín vào Ban cán sự lớp.

- C. Bảo vệ ý kiến của người giúp đỡ mình.
- D. Phê bình, góp ý khi bạn mắc khuyết điểm.
- E. Không chơi với bạn vì bạn phê bình mình.
- G. Im lặng khi bị oan ức.

Giải thích

7.6.2. Phương pháp hỏi – đáp

Bằng phương pháp này, GV có thể kiểm tra tri thức, hành vi, thái độ của HS. *Về tri thức*, GV có thể yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: Như thế nào? Vì sao? Ví dụ, ở bài 6 “Quản lý thời gian hiệu quả”, GV có thể hỏi HS: Thế nào là quản lý thời gian hiệu quả? Vì sao phải quản lý thời gian hiệu quả? Làm cách nào để quản lý thời gian hiệu quả? *Về hành vi*, GV có thể yêu cầu HS tự đánh giá hành vi của mình bằng các câu hỏi: Em đã làm điều đó như thế nào? Ví dụ: Em đã quản lý thời gian như thế nào? *Về thái độ, phẩm chất*, GV có thể yêu cầu HS giải thích động cơ thực hiện hành vi của mình hoặc bày tỏ thái độ đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến, hành vi có liên quan đến bài học. Ví dụ: Em tán thành hay không tán thành với những quan điểm về quản lý thời gian dưới đây? Vì sao? (Nếu một số trường hợp để HS nhận xét và giải thích sự bày tỏ thái độ của mình). Ở mức độ cao hơn, GV có thể cho HS trình bày ý kiến xử lý tình huống trên cơ sở gắn kiến thức của bài học với thực tiễn cuộc sống xung quanh, gắn gũi với HS. Ví dụ: “M có thói quen làm việc ngẫu hứng, gặp việc gì làm việc đó nên thường không hoàn thành bài tập trên lớp đúng hạn. Em có nhận xét gì về cách quản lý thời gian của M? Em tư vấn như thế nào để giúp bạn có cách quản lý thời gian hiệu quả hơn?”.

7.6.3. Phương pháp quan sát

GV quan sát HS trong quá trình dạy học trên lớp, sử dụng phiếu quan sát, bảng kiểm tra, nhật ký ghi chép lại các biểu hiện của HS để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của HS. Các nhận xét phải dựa trên các bằng chứng xác thực từ kết quả quan sát HS tham gia hoạt động học tập và hoạt động thực tiễn; nghiên cứu sản phẩm hoạt động của HS, đặc biệt là sản phẩm thực hành, ứng dụng và quan trọng nhất là quan sát cách HS giao tiếp, ứng xử, giải quyết các tình huống có vấn đề về đạo đức, pháp luật trong thực tiễn. *Ví dụ*: Ở bài 3 “Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng”, GV có thể quan sát HS thể hiện việc tham gia các hoạt động cộng đồng như thế nào qua thái độ, việc làm cụ thể như: thiện nguyện, nhân đạo; đền ơn đáp nghĩa; bảo vệ môi trường, cảnh quan; phòng, chống tệ nạn xã hội;...

7.6.4. Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS

GV nhận xét, đánh giá về các sản phẩm, kết quả hoạt động của HS theo từng nội dung giáo dục: đánh giá qua phiếu học tập, báo cáo kết quả điều tra, dự án,...

Ví dụ: Đánh giá bài viết về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng từ gợi ý của một câu danh ngôn (Bài 1); sản phẩm thiết kế (bức tranh, thông điệp, tiểu phẩm, đoạn thơ,...) về vai trò của lòng khoan dung trong cuộc sống (Bài 2).

Tuỳ thuộc vào yêu cầu cần đạt, nội dung cần đánh giá của một chủ đề/bài học, GV sẽ lựa chọn sử dụng hình thức, phương pháp đánh giá phù hợp với mục tiêu/yêu cầu cần đạt.

8 PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Bộ GD&ĐT đã ban hành Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30 – 12 – 2021 về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS. Căn cứ theo thông tư trên, NXBGDVN đã triển khai làm các thiết bị và học liệu cho môn GD&ĐT, trong đó có thiết bị và học liệu cho lớp 9 như sau:

- Tranh về thích ứng với thay đổi. Mục đích sử dụng: Hướng dẫn HS cách thích ứng với sự thay đổi.
- Video/clip về HS tham gia các hoạt động cộng đồng. Mục đích sử dụng: HS nhận biết được một số hành vi tích cực/chưa tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng.
- Video/clip về bảo vệ hoà bình. Mục đích sử dụng: HS nhận thức được ý nghĩa của việc bảo vệ hoà bình.
- Bộ dụng cụ thực hành tiết kiệm. Mục đích sử dụng: HS có ý thức về quản lí tài chính cá nhân và biết thực hiện một số bước đơn giản để thực hành tiết kiệm.

Cần lưu ý một số yêu cầu sau trong việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học môn GD&ĐT:

- Coi trọng việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học để hỗ trợ quá trình nhận thức trực quan của HS nhưng phải sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, thực sự có hiệu quả, tránh hình thức, tránh lạm dụng gây phản tác dụng, làm giảm hiệu quả của quá trình dạy học.
- Tạo điều kiện để HS được thực hành, thao tác trên các phương tiện, thiết bị dạy học, qua đó giúp HS trải nghiệm, khám phá, phát hiện kiến thức một cách chủ động, tích cực; rèn luyện kĩ năng tìm tòi, giải quyết vấn đề sáng tạo, góp phần phát triển năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân.
- Khuyến khích sử dụng các phương tiện hiện đại đồng thời coi trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thống để giúp HS hứng thú, tích cực học tập hơn, đồng thời giúp GV tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả dạy học.
- Khuyến khích sử dụng thiết bị dạy học tự làm của GV và HS, không chỉ có ý nghĩa bổ sung kịp thời các phương tiện, thiết bị dạy học mà còn góp phần thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực cho HS.
- Sử dụng linh hoạt, phối hợp các thiết bị dạy học.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA VÀ CÁC NGUỒN HỌC LIỆU BỔ TRỢ MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9

1 HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9

1.1. Quan điểm tiếp cận, biên soạn

SGK môn GD&ĐT ở cấp THCS nói chung và lớp 9 nói riêng được biên soạn dựa trên cơ sở: 1/Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT quy định về tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; 2/Thông tư số 05/2022/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 – 12 – 2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; 3/Các định hướng của CTGDPT tổng thể và CTGDPT môn GD&ĐT; 4/Kinh nghiệm trong nước và quốc tế về viết sách giáo khoa; 5/Đặc điểm HS THCS; 6/Đặc trưng môn GD&ĐT theo định hướng tiếp cận năng lực.

Từ những cơ sở trên, SGK GD&ĐT 9 được biên soạn theo các quan điểm sau:

- Phù hợp với quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam; tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam.
- Kế thừa các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc kết hợp với tinh hoa văn hoá nhân loại.
- Phù hợp với chương trình môn GD&ĐT cấp THCS.
- Gắn với thực tiễn của HS THCS: Các thông tin, tình huống, câu chuyện, bài tập,... được chắt lọc từ những tình huống tiêu biểu, gắn với thực tiễn cuộc sống của HS trong gia đình, nhà trường và xã hội.
- Đảm bảo tính hệ thống: Sách được biên soạn theo ma trận các chủ đề/bài học thống nhất từ lớp 6 đến lớp 9. Các mạch nội dung của sách được sắp xếp khoa học theo cấu trúc đồng tâm về các mối quan hệ (quan hệ giữa HS với bản thân, với gia đình, với nhà trường, với cộng đồng và với môi trường tự nhiên), đảm bảo tính phát triển trong nội dung của các lớp sau.
- Chú trọng *tích hợp nội môn* giữa giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục kinh tế và giáo dục pháp luật; *tích hợp liên môn* giữa GD&ĐT với Ngữ văn, Mĩ thuật, Âm nhạc, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp,...
- Chú trọng yêu cầu *dạy học phân hoá* theo năng lực HS (các nhiệm vụ học tập đa

dạng được sắp xếp theo mức độ từ thấp đến cao, dành cho HS có cấp độ năng lực khác nhau); phân hoá theo vùng miền (các thông tin, câu chuyện, tranh ảnh, bài tập tình huống,... đa dạng, phản ánh sự đa dạng của các vùng miền).

– Đảm bảo *tính mở*: Các hoạt động dạy học mang tính chất gợi mở, tạo điều kiện cho sự linh hoạt, sáng tạo của GV và HS.

1.2. Ma trận nội dung

SGK môn GDCC lớp 9 gồm 10 chủ đề/bài học với các yêu cầu cần đạt và mục tiêu về phẩm chất, năng lực cụ thể như sau:

Tên chủ đề/ bài học	Yêu cầu cần đạt	Phẩm chất	Năng lực	
			Năng lực chung	Năng lực đặc thù
Bài 1: Sống có lí tưởng (3 tiết)	– Nêu được khái niệm sống có lí tưởng. – Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng. – Nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam. – Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng.	YN	TC – TH GT – HT GQVĐ&ST	ĐCHV PTBT
Bài 2: Khoan dung (2 tiết)	– Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung. – Nhận biết được giá trị của khoan dung. – Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. – Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung.	NA	TC – TH GT – HT GQVĐ&ST	ĐCHV
Bài 3: Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng (2 tiết)	– Hiểu được thế nào là hoạt động cộng đồng; nêu được một số hoạt động cộng đồng. – Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng. – Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng. – Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức. – Phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.	CC	TC – TH GT – HT GQVĐ&ST	ĐCHV

Bài 4: Khách quan và công bằng (2 tiết)	– Nhận biết được những biểu hiện khách quan, công bằng. – Hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng; tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng. – Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày. – Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng.	TT	TC – TH GT – HT GQVĐ&ST	ĐCHV
Bài 5: Bảo vệ hoà bình (3 tiết)	– Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình. – Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình. – Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình. – Biết lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình. – Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.	TN	TC – TH GT – HT GQVĐ&ST	ĐCHV
Bài 6: Quản lí thời gian hiệu quả (3 tiết)	– Hiểu được thế nào là quản lí thời gian hiệu quả. – Nhận biết được sự cần thiết phải quản lí thời gian hiệu quả. – Nêu được cách quản lí thời gian hiệu quả. – Thực hiện được kĩ năng quản lí thời gian hiệu quả.	TT	TC – TH GT – HT GQVĐ&ST	PTBT
Bài 7: Thích ứng với thay đổi (4 tiết)	– Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình. – Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống. – Nêu được các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống. – Thích ứng được với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân.	TT	TC – TH GT – HT GQVĐ&ST	PTBT

Bài 8: Tiêu dùng thông minh (4 tiết)	– Nhận biết được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh. – Đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh. – Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết được những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...). – Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể. – Khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.	CC TN TT	TC – TH GT – HT QGVĐ&ST	ĐCHV TH – TG
Bài 9: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí (4 tiết)	– Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. – Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí. – Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể. – Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.	TN	TC – TH GT – HT QGVĐ&ST	ĐCHV TH – TG
Bài 10: Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế (4 tiết)	– Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. – Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. – Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. – Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	TT TN	TC – TH GT – HT QGVĐ&ST	ĐCHV TH – TG

1.3. Cấu trúc sách và cấu trúc bài học

1.3.1. Cấu trúc sách

SGK GD&ĐT 9 được cấu trúc theo Thông tư số 33/2017/TT-BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT gồm các phần: 1/Hướng dẫn sử dụng sách; 2/Lời nói đầu; 3/Mục lục; 4/Chủ đề/bài học; 5/Giải thích thuật ngữ.

1.3.2. Cấu trúc bài học

Cấu trúc bài học dựa trên tiến trình nhận thức của HS, từ việc *Nhận biết* đến *Thấu hiểu*, *Tin tưởng* và *Hành động*.

Mỗi chủ đề/bài học được thiết kế thống nhất gồm hệ thống các hoạt động:

1/ *Mở đầu*: Nêu vị trí, tầm quan trọng của bài học; tạo tâm thế, khơi gợi suy nghĩ, hứng thú của HS để vào bài mới thông qua trò chơi, bài hát, câu chuyện, tranh ảnh, chia sẻ trải nghiệm,...

2/ *Khám phá*: Hình thành, phát triển ở HS những kiến thức, kỹ năng về chuẩn mực hành vi (biểu hiện của chuẩn mực hành vi và sự cần thiết phải thực hiện theo các chuẩn mực đó).



MỞ ĐẦU

Lí tưởng là mục đích cao đẹp nhất mà con người mong muốn đạt tới. Khi sống có lí tưởng, con người sẽ có kế hoạch cho tương lai, có động lực để vượt qua khó khăn, thử thách, phấn đấu để đạt được những thành công trong cuộc sống và giúp ích cho cộng đồng.

Em hãy chỉ ra những ca từ thể hiện ước muốn của nhân vật trong lời bài hát sau và cho biết ý nghĩa của những ước muốn đó.

**"Nếu là chim tôi sẽ là loài bồ câu trắng
Nếu là hoa tôi sẽ là một đóa hướng dương
Nếu là mây tôi sẽ là một vầng mây ấm
Là người tôi sẽ chết cho quê hương..."**

("Tự nguyện", nhạc và lời: Trương Quốc Khánh)



KHÁM PHÁ

② Tại chiến trường Đức Phổ, Quảng Ngãi, khi một sĩ quan Mỹ định châm lửa đốt quyển sổ tay thu được sau một trận càn, người thông dịch của ông đã can: "Đừng đốt. Bản thân nó đã có lửa rồi!". Đó là cuốn nhật kí chứa đựng một tình yêu bao la với Tổ quốc, nhân dân, đồng đội, thể hiện lí tưởng sống cao đẹp của nữ bác sĩ Đặng Thuỳ Trâm. Tám gương người nữ anh hùng hi sinh khi tuổi đời còn rất trẻ đã tiếp thêm động lực cho những người ở lại quyết tâm chiến đấu vì lí tưởng cao cả: quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh!

"30.6.68. "Đời phải trải qua giông tố nhưng chớ cúi đầu trước giông tố"...
Th. hãy bằng nghị lực, bằng niềm tin ở chính nghĩa, bằng lí tưởng cuộc đời mình mà đi tiếp những bước đường gai góc gian lao..."



Đặng Thuỳ Trâm
(1942 – 1970)

01.9.68. Th. hãy ngẩng cao đầu mà sống, sống với tình cảm trong sáng, với lí tưởng cao đẹp của mình. "Hãy giữ vững tinh thần của người cộng sản, tinh thần trong suốt như pha lê, cứng rắn như kim cương và chói lọi muôn nghìn hào quang của lòng tin tưởng"...

14.7.69... Ba má và các em yêu thương ở ngoài đó làm sao thấy hết được cuộc sống ở đây. Cuộc sống vô cùng anh dũng, vô cùng gian nan, chết chóc, hi sinh còn dễ dàng hơn ăn một bát cơm. Vậy mà người ta vẫn bền gan chiến đấu. Con cũng là một trong muôn nghìn người đó, con sống, chiến đấu và nghĩ rằng mình sẽ ngã xuống vì ngày mai của dân tộc... Con tự hào vì đã dâng trọn đời mình cho Tổ quốc".

(Theo Đặng Kim Trâm chỉnh lí, Vương Trí Nhàn giới thiệu (2005),
Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm, NXB Hội Nhà văn, trang 46, 68, 160)

Chốt kiến thức cơ bản, cốt lõi, cô đọng, giúp HS ghi nhớ các chuẩn mực hành vi.



1. Sống có lí tưởng là xác định được mục đích cao đẹp và có kế hoạch, quyết tâm phấn đấu để đạt được mục đích nhằm đóng góp cho lợi ích của cộng đồng, quốc gia, nhân loại.
2. Sống có lí tưởng giúp mỗi người có động lực phấn đấu hoàn thành mục tiêu của bản thân, góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh. Người sống có lí tưởng được xã hội công nhận, tôn trọng và tin tưởng.
3. Lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam hiện nay là phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nỗ lực rèn luyện sức khỏe, học tập để trở thành người có năng lực, bản lĩnh và người công dân tốt; tích cực tham gia vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
4. Học sinh cần xác định được lí tưởng sống của bản thân và từng bước hiện thực hoá lí tưởng đó qua việc tích cực học tập, lao động, rèn luyện sức khỏe, tham gia các hoạt động tập thể, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, dân tộc và nhân loại.

3/ Luyện tập: Nhằm củng cố kiến thức, kĩ năng vừa khám phá, rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tiễn, điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân.



LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với quan điểm nào dưới đây? Vì sao?
 - a) Tất cả những người sống có mục đích đều là những người sống có lí tưởng.
 - b) Người sống có lí tưởng là người luôn suy nghĩ và hành động để thực hiện mục tiêu chung của dân tộc.
 - c) Những ai tích cực làm giàu đều là người sống có lí tưởng.
 - d) Ở mỗi thời đại khác nhau, con người có lí tưởng sống khác nhau.
 - e) Người sống có lí tưởng là người có nhiều ước mơ, hoài bão.
 - g) Đối với học sinh, tích cực học tập để mai sau lập nghiệp, góp phần xây dựng quê hương, đất nước chính là sống có lí tưởng.
2. Từ quan điểm dưới đây, em hãy viết bài thuyết trình về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng:

Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường. Không có lí tưởng thì không có phương hướng kiên định, mà không có phương hướng thì không có cuộc sống.

(Lev Nikolayevich Tolstoy)

3. Em hãy nhận xét về việc làm của thanh niên trong các bức ảnh dưới đây và nêu ý nghĩa của những việc làm đó.



4. Em hãy kể về một tấm gương thanh niên Việt Nam tiêu biểu trong hoạt động học tập/ nghiên cứu khoa học/ khởi nghiệp/ thiện nguyện... và rút ra bài học cho bản thân.
5. Dựa vào nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam, em hãy xác định nhiệm vụ mà bản thân phải thực hiện trong học tập và cuộc sống, từ đó xây dựng kế hoạch để thực hiện những nhiệm vụ đó.

4/ *Vận dụng*: Nhằm ứng dụng kiến thức, kĩ năng vào giải quyết vấn đề cụ thể trong thực tiễn cuộc sống ở không gian mới, tình huống mới.



VẬN DỤNG

1. Hãy thiết kế một thông điệp về lí tưởng sống và trang trí ở góc học tập làm mục tiêu phấn đấu của em.
2. Em hãy thực hiện kế hoạch rèn luyện theo lí tưởng và chia sẻ với các bạn về những kết quả mà em đã đạt được, những điều chưa đạt được theo kế hoạch và phương hướng phấn đấu của em.

1.4. Hướng dẫn giáo viên khai thác những điểm mới, ưu điểm nổi bật của sách giáo khoa Giáo dục công dân 9

1.4.1. Tính khoa học, chuẩn mực: SGK GD CD 9 thể hiện chính xác, đầy đủ những yêu cầu cần đạt của chương trình môn GD CD lớp 9. Ngôn ngữ phổ thông, trong sáng, văn phong khoa học. Nguồn trích rõ ràng, thông tin chuẩn xác. Các bài đều làm rõ nội hàm khái niệm cơ bản; lấy hệ khái niệm làm công cụ để xây dựng tri thức khoa học, góp phần giúp HS hình thành, phát triển năng lực tư duy khoa học.

1.4.2. Tính thực tiễn: Sách thiết kế bám sát những yêu cầu cần đạt của chương trình, xoay quanh 4 mạch giáo dục: giáo dục đạo đức, giáo dục kĩ năng sống, giáo dục kinh tế, giáo dục pháp luật; phù hợp với đặc điểm tâm – sinh lí và trải nghiệm của HS lớp 9, mang hơi thở của cuộc sống, giúp HS ứng dụng để giải quyết những vấn đề thực tiễn. Bởi vậy, GV cần gắn nội dung bài học với các bối cảnh cuộc sống, nhất là thực tiễn cuộc sống của các em, thực tiễn địa phương nơi các em sống và học tập,... Những nội dung này có thể là các sự vật, sự việc, hiện tượng, tình huống HS có thể gặp phải trong cuộc sống; những vấn đề mà cộng đồng, xã hội đang đối mặt;...

1.4.3. Tính kế thừa và phát triển: SGK GD CD 9 được biên soạn trên cơ sở kế thừa: truyền thống giáo dục của dân tộc; tinh hoa giáo dục và kinh nghiệm biên soạn SGK của các quốc gia có nền giáo dục tiên tiến; SGK GD CD 9 hiện hành. Đảm bảo tính hệ thống theo ma trận các chủ đề/bài học thống nhất từ cấp Tiểu học đến cấp THPT. Vẫn trên cơ sở 4 mạch nội dung giáo dục, các chuẩn mực hành vi phát triển theo đường xoáy ốc mở rộng và nâng cao dần trên cơ sở kế thừa những chuẩn hành vi của lớp trước, dung lượng bài tập cũng đa dạng và phức tạp hơn, phù hợp với sự phát triển phẩm chất, năng lực của HS qua từng lớp học. Bởi vậy, GV cần kế thừa những câu chuyện, tình huống, bài tập hay trong SGK GD CD cũ, những câu ca dao, thành ngữ, tục ngữ, những câu chuyện nước ngoài phù hợp,... để làm phong phú nguồn ngữ liệu trong quá trình dạy học GD CD; đồng thời, tăng dần độ phức tạp của các yêu cầu giáo dục phù hợp với sự phát triển năng lực của HS.

1.4.4. Tính tích hợp: Phù hợp với xu hướng của giáo dục hiện đại, SGK GD CD 9 chú trọng tích hợp nội môn và liên môn:

– Tích hợp nội môn: Mỗi bài học có sự lồng ghép, tích hợp nhuần nhuyễn giữa 4 mạch nội dung giáo dục.

– Tích hợp liên môn: vẽ tranh (Mỹ thuật), hát (Âm nhạc), đọc truyện, làm thơ, viết bài luận (Ngữ văn), trải nghiệm thực tế (Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp),...

Quan điểm tích hợp trong biên soạn giúp cho các hoạt động thiết kế trong SGK GD CD 9 phong phú, sinh động, hấp dẫn hơn, đồng thời có sự hỗ trợ, tương tác nhau giữa các môn học về nguồn ngữ liệu và hoạt động dạy học.

Trong quá trình dạy học, GV cần tích hợp nội dung giáo dục phù hợp, đồng thời khi tổ chức hoạt động, nhất là hoạt động thực tiễn cho HS, cần kết nối *nội dung một số lĩnh vực, môn học* với nhau. Việc tiếp cận vấn đề dưới nhiều góc độ khác nhau sẽ giúp hoạt động học tập của HS có hiệu quả cao hơn, phẩm chất, năng lực được phát triển bền vững hơn.

1.4.5. Tính phân hoá: Sách được thiết kế chú trọng yêu cầu dạy học phân hoá theo năng lực HS; đảm bảo tính đa dạng vùng miền và sự cân bằng về giới: Chuỗi hoạt động trong mỗi bài học được thiết kế từ đơn giản đến phức tạp, phù hợp với sự khác nhau về trình độ năng lực của mỗi HS. Các thông tin, tình huống, câu chuyện, tranh ảnh,... gắn với các vùng miền (nông thôn – thành thị, miền xuôi – miền núi,...). Trong quá trình dạy học, GV cần xuất phát từ hoàn cảnh thực tế và năng lực của HS để thiết kế các hoạt động dạy học phù hợp.

1.4.6. Tính sáng tạo: Sách được thiết kế đảm bảo tính mở, tạo điều kiện cho sự linh hoạt, sáng tạo của GV và HS.

+ *Đối với GV:* Các hoạt động trong sách mang tính mở giúp GV có thể phối hợp nhiều phương pháp, kĩ thuật và hình thức tổ chức dạy học khác nhau, thiết kế nhiều hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực khuyến khích HS khám phá, khai thác thông tin, xử lí tình huống, học qua các trường hợp điển hình,... sáng tạo, linh hoạt trong quá trình dạy học sao cho phù hợp với điều kiện của trường, lớp, vùng miền,... GV có thể sắp xếp lại trật tự chủ đề, điều chỉnh số tiết (đảm bảo tỉ lệ các mạch giáo dục theo chương trình), thay đổi, bổ sung thông tin, câu chuyện, tình huống.

+ *Đối với HS:* Sách không cung cấp những kiến thức có sẵn mà gợi ý tổ chức các hoạt động để HS tự giác, tích cực phát hiện và chiếm lĩnh tri thức. GV có thể tổ chức, hướng dẫn HS phát huy năng lực bản thân với nhiều hoạt động học tập phong phú, đa dạng: quan sát tranh, nghe/đọc/kể chuyện, thảo luận nhóm, chơi trò chơi, sắm vai, xử lí tình huống,...

1.4.7. Tính sinh động: Sách thể hiện sinh động những yêu cầu cần đạt của chương trình môn GD CD lớp 9. Hoạt động *Mở đầu* đa dạng, phong phú qua bài hát hoặc trò chơi, hình ảnh, chia sẻ trải nghiệm,... khơi dậy hứng thú, khát khao học tập của HS. Hoạt động *Khám phá* bắt đầu bằng những câu chuyện hoặc hình ảnh, thông tin đạo đức, pháp luật đánh thức được xúc cảm, sự rung động trong tâm hồn HS. Hoạt động

Luyện tập với những tình huống đạo đức, pháp luật đa dạng, gần gũi, tạo hứng thú học tập cho HS. Tính sinh động của sách gợi ý cho GV tổ chức quá trình dạy học trong chuỗi hoạt động tích cực, kích thích sự ham học, trí tò mò và tư duy sáng tạo của HS, giúp cho việc học GDCD không khô khan, giáo điều, cứng nhắc mà là một hành trình học tập sinh động, hấp dẫn, thú vị và hiệu quả.

1.4.8. Tính hiện đại: Những ưu điểm nổi bật trên cho thấy SGK GDCD 9 đã tiếp cận và thể hiện được tinh thần của một cuốn SGK phát triển năng lực người học trong dòng chảy của nền giáo dục hiện đại. Điều đó đặt ra yêu cầu đối với GV dạy GDCD cần đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo của HS, đáp ứng yêu cầu của CTGDPT mới.

1.5. Hướng dẫn, gợi ý dạy học một số dạng bài cụ thể

1.5.1. Dạng bài giáo dục đạo đức

Trong chương trình môn GDCD lớp 9, mạch nội dung giáo dục đạo đức chiếm 35% nội dung chương trình với 5 chủ đề/bài học: 1/Sống có lí tưởng; 2/Khoan dung; 3/Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng; 4/Khách quan và công bằng; 5/Bảo vệ hoà bình.

Kết quả quan trọng nhất của bài giáo dục đạo đức là giáo dục được hành vi và thói quen đạo đức cho HS. Vì vậy, GV cần tổ chức các hoạt động để HS tự phát hiện tri thức, nhận xét hành vi, xử lí tình huống, liên hệ bản thân, thực hiện hành vi đạo đức trong cuộc sống. HS được suy nghĩ, được phát biểu, được trao đổi, luyện tập, thực hành, vận dụng tri thức vào cuộc sống nhiều hơn. Qua việc tham gia các hoạt động, tri thức đạo đức sẽ bền vững và hành vi đạo đức sẽ tự giác, thực chất hơn.

Một số điểm cần lưu ý khi thiết kế các hoạt động dạy học dạng bài giáo dục đạo đức:

- Căn cứ vào mục tiêu của bài giáo dục đạo đức để xây dựng các hoạt động dạy học phù hợp. Việc xác định mục tiêu của bài học căn cứ vào yêu cầu của chương trình, lượng hoá thành các động từ thể hiện mức độ phát triển năng lực: Nêu được – Phân tích được, giải thích được – Lựa chọn được, nhận xét được – Xử lí được – Phê phán được – Thực hiện được,...

- Đảm bảo tính logic của bài giáo dục đạo đức: Từ việc khám phá các chuẩn mực hành vi đạo đức qua mẫu hành vi (câu chuyện, thông tin, tình huống đạo đức,...) tới bài học đạo đức (Làm gì? Làm như thế nào? Vì sao phải làm thế?); sau đó tổ chức cho HS luyện tập, vận dụng vào thực tiễn. Dạy học đạo đức là dạy ý thức đạo đức, tình cảm đạo đức và hành vi đạo đức. Vì vậy, GV cần khơi gợi được xúc cảm, tình cảm đạo đức tốt đẹp cho HS qua những biểu tượng hành vi trong truyện kể, tình huống đạo đức.

- Dạy học đạo đức là giáo dục các chuẩn mực hành vi đạo đức. Vì vậy, GV cần tổ chức các hoạt động để HS tự phát hiện tri thức, nhận xét hành vi, xử lí tình huống, liên hệ bản thân, thực hiện hành vi đạo đức trong cuộc sống. HS được suy nghĩ, được nói, được trao đổi, luyện tập, thực hành, vận dụng tri thức vào cuộc sống nhiều hơn. Qua

việc tham gia các hoạt động, tri thức đạo đức sẽ bền vững và hành vi đạo đức sẽ tự giác, thực chất hơn.

- Các hoạt động phải có nội dung phù hợp với bài học, phù hợp với đối tượng HS và điều kiện thực tế.
- Việc thiết kế các hoạt động cần đảm bảo: tên hoạt động, mục tiêu, các bước tổ chức hoạt động.
- Hình thức, phương pháp dạy học cần phong phú, đa dạng, phát huy được tính tích cực của HS.

1.5.2. Dạng bài giáo dục kỹ năng sống

Giáo dục kỹ năng sống là rèn luyện kỹ năng vận dụng những tri thức, kinh nghiệm và những cách thức hành động đúng đắn để thực hiện có hiệu quả hành động đó trong những điều kiện khác nhau của cuộc sống. Ở cấp THCS, giáo dục kỹ năng sống trang bị cho HS những kỹ năng cần thiết, phù hợp với lứa tuổi; hình thành những hành vi, thói quen lành mạnh, loại bỏ những hành vi, thói quen tiêu cực. Đó là kỹ năng tự phục vụ bản thân, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý cảm xúc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nhận thức, quản lý bản thân, kỹ năng tự bảo vệ bản thân. Trong CTGDPT 2018, môn GDCC cấp THCS có 20% giáo dục kỹ năng sống. Ở lớp 9, giáo dục kỹ năng sống gồm hai bài: 1/Thích ứng với thay đổi; 2/Quản lý thời gian hiệu quả.

Để dạy học dạng bài giáo dục kỹ năng sống đạt hiệu quả, GV cần:

- Chuẩn bị tốt các phương tiện, đồ dùng dạy học để HS thực hành.
- Thiết lập mối quan hệ gần gũi, thân thiện giữa GV và HS, HS và HS trong lớp học.
- Dùng tình huống, câu chuyện, việc làm,... cụ thể, sát thực để minh họa cho các kỹ năng.
- Tăng cường các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực: phương pháp thảo luận nhóm, sắm vai, trò chơi,...
- Từ việc giáo dục kỹ năng, GV cần hướng tới giáo dục giá trị sống cho HS.

Lưu ý:

- Việc dạy kỹ năng sống chỉ thực sự có hiệu quả khi HS được rèn luyện thường xuyên và mang tính hệ thống. Vì vậy, ngoài những chủ đề giáo dục kỹ năng sống trong chương trình GDCC, GV cần tích hợp giáo dục kỹ năng sống trong các bài giáo dục đạo đức, giáo dục kinh tế và giáo dục pháp luật.
- Tạo cơ hội cho HS luôn được thực hành và có cơ hội để thực hành thông qua các hoạt động.
- Cần chủ động, linh hoạt trong việc áp dụng, tổ chức các hoạt động đã được gợi ý trong SGK. GV có thể điều chỉnh câu chữ, ngôn từ, cách thiết kế các hoạt động sao cho phù hợp nhất với đặc điểm tâm – sinh lý của HS cũng như các điều kiện thực tế của lớp học.

Cần phối hợp với các lực lượng giáo dục (gia đình, nhà trường và xã hội) trong giáo dục kỹ năng sống cho HS.

1.5.3. Dạng bài giáo dục kinh tế

Trong môn GDCC, giáo dục kinh tế hỗ trợ HS phát triển kiến thức, kỹ năng, thái độ và hành vi tài chính; giúp HS thiết lập thói quen quản lý tài chính, có kỹ năng đưa ra các quyết định tài chính hợp lý. Ở cấp THCS, giáo dục kinh tế giúp HS có kiến thức ban đầu về tài chính, có kỹ năng và sự tự tin áp dụng kiến thức đó vào bối cảnh thực tế, duy trì và phát triển các hành vi tích cực theo thời gian, bao gồm việc đưa ra quyết định tài chính hợp lý, sáng suốt, phù hợp với lứa tuổi. Đó là kỹ năng tiết kiệm, lập kế hoạch chi tiêu, xác định nhu cầu và mong muốn về tài chính, làm từ thiện,... Ở lớp 9, mạch nội dung giáo dục kinh tế có một chủ đề “Tiêu dùng thông minh” với 10% thời lượng chương trình.

Để dạy học dạng bài giáo dục kinh tế đạt hiệu quả, GV cần:

- Cập nhật những tri thức hiện đại về quản lý tài chính cá nhân: Ở Việt Nam, một số HS lớp 9 vẫn chưa được bố mẹ cho tiền để tiêu riêng, một phần do hoàn cảnh gia đình khó khăn, một phần do phụ huynh có tâm lý e ngại cho tiền sẽ làm hư con. Bởi vậy, một số HS chưa có trải nghiệm về quản lý tiền. GV cần làm rõ tầm quan trọng của vấn đề bằng những ví dụ thực tiễn sinh động để giúp HS tích cực, chủ động hơn trong quá trình học.
- Phát huy năng lực tự chủ – tự học của HS bằng việc định hướng HS khai thác triệt để kiến thức đã có từ lớp trước trong quá trình khám phá kiến thức của lớp sau. Cấu trúc mạch giáo dục kinh tế trong chương trình theo đường xoắn ốc, đồng tâm, phát triển (Lớp 4 “Quý trọng đồng tiền” – Lớp 5 “Sử dụng tiền hợp lý” – Lớp 6 “Tiết kiệm” – Lớp 7 “Quản lý tiền” – Lớp 8 “Lập kế hoạch chi tiêu” – Lớp 9 “Tiêu dùng thông minh”). Mặc dù giáo dục kinh tế là mạch nội dung giáo dục mới trong chương trình môn GDCC song HS không quá ngỡ ngàng trong quá trình học, một phần do cấu trúc logic này.
- Dùng tình huống, câu chuyện, việc làm,... cụ thể, sát thực với đời sống kinh tế để tăng tính hấp dẫn, giúp HS tiếp cận bài học có hiệu quả hơn.
- Tăng cường các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực: Bên cạnh những phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống, GV cần sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học hiện đại, phù hợp với đặc thù bài giáo dục kinh tế: phương pháp điều tra, dự án,...; kỹ thuật dạy học theo góc, dạy học theo trạm,...

1.5.4. Dạng bài giáo dục pháp luật

Ở lớp 9, mạch nội dung giáo dục pháp luật có hai chủ đề: 1/Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; 2/Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế, chiếm 25% thời lượng chương trình. Để dạy học dạng bài giáo dục pháp luật đạt hiệu quả, GV cần lưu ý:

- Xác định rõ mục tiêu của bài học:

1/ Hình thành ở HS ý thức về những chuẩn mực hành vi pháp luật, từ đó định hướng cho các em những giá trị phù hợp với những chuẩn mực đó.

HS cần biết được:

- + Yêu cầu của chuẩn mực hành vi pháp luật.
- + Sự cần thiết của việc thực hiện chuẩn mực hành vi pháp luật (tác dụng của việc làm đúng, tác hại của việc làm sai,...).
- + Cách thực hiện chuẩn mực hành vi pháp luật (việc nào cần làm, việc nào cần tránh).

2/ Giáo dục cho HS thái độ đúng đắn liên quan tới các chuẩn mực hành vi pháp luật:

- + Tích cực, tự giác thực hiện chuẩn mực hành vi.
- + Đồng tình với hành vi đúng, phê phán hành vi sai.

3/ Hình thành ở HS hành vi, kỹ năng phù hợp với các chuẩn mực hành vi pháp luật, từ đó rèn luyện thói quen chấp hành pháp luật. HS biết:

- + Tự nhận xét hành vi của bản thân.
- + Nhận xét, đánh giá hành vi của người khác.
- + Xử lý tình huống pháp luật.
- + Thực hiện thao tác, hành động đúng theo mẫu qua trò chơi, sắm vai.
- + Điều tra, đánh giá những vấn đề thực tiễn liên quan tới bài học.
- + Thực hiện được các hành vi tích cực trong cuộc sống hằng ngày phù hợp với các chuẩn mực hành vi pháp luật.
- Những phẩm chất, năng lực chính được hình thành qua dạng bài giáo dục pháp luật:
- + Phẩm chất trung thực, trách nhiệm.
- + Năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân.
- Đảm bảo tính logic của bài giáo dục pháp luật: Từ việc khám phá chuẩn mực hành vi pháp luật đến luyện tập hành vi và vận dụng vào trong thực tiễn.
- Chú ý tổ chức các hoạt động phù hợp với mục tiêu bài học, phù hợp với đối tượng HS và hoàn cảnh thực tế.

2 HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÁC NGUỒN HỌC LIỆU BỔ TRỢ MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9

2.1. Hướng dẫn sử dụng sách giáo viên môn Giáo dục công dân 9

2.1.1. Kết cấu sách giáo viên

SGV môn GD CD 9 gồm hai phần:

Phần một: Những vấn đề chung

Hướng dẫn và định hướng GV về: mục tiêu, nội dung chương trình môn GD CD cấp THCS và yêu cầu đối với môn GD CD 9; tài liệu và phương tiện dạy học; phương pháp dạy học; phương pháp kiểm tra, đánh giá môn GD CD 9.

Phần hai: Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể

Hướng dẫn GV xác định mục tiêu bài học; chuẩn bị thiết bị dạy học và học liệu cho bài học; hướng dẫn các hoạt động dạy học chủ yếu trong các bài cụ thể.

2.1.2. Cách sử dụng sách giáo viên hiệu quả

SGV môn GDCD lớp 9 là tài liệu giúp GV thực hiện chương trình và nâng cao chất lượng dạy học GDCD. Sách giúp GV có được những hiểu biết cơ bản về dạy học môn GDCD lớp 9. Trên cơ sở những gợi ý của sách, GV có thể xây dựng kế hoạch bài học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với đối tượng HS, điều kiện trường lớp, địa phương và năng lực GV. Ví dụ: Sách gợi ý sử dụng phương tiện dạy học là SGK, tranh ảnh, bài hát, video,... tuy nhiên với những nơi có điều kiện thuận lợi, GV có thể sử dụng video, máy chiếu, tranh ảnh khổ lớn,...; những nơi không có điều kiện thuận lợi, GV có thể cho HS quan sát tranh ảnh, đọc thông tin trong SGK. GV cũng có thể dùng hình thức mở đầu khác với gợi ý của sách (bài hát, trò chơi khác, hoạt động khác,...); sử dụng câu chuyện, thông tin, tranh ảnh, tình huống khác để khám phá tri thức; sử dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học khác để tổ chức cho HS luyện tập, vận dụng. GV cũng có thể điều chỉnh thời gian phân bổ cho từng chủ đề (đây là điểm khác so với sách cũ, chương trình cũ). Tuy nhiên, mọi sự sáng tạo của GV phải đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình và phải đảm bảo tỉ lệ theo quy định của chương trình.

2.2. Hướng dẫn sử dụng sách Bài tập Giáo dục công dân 9

Sách Bài tập GDCD 9 là phương tiện hỗ trợ cho GV và HS trong quá trình dạy – học môn GDCD. Các bài tập được xây dựng theo yêu cầu cần đạt của môn GDCD lớp 9 nói chung và từng chủ đề bài học nói riêng, phù hợp với tiến trình bài học và quy luật nhận thức của HS, từ bài tập nhận biết đến bài tập thông hiểu, bài tập vận dụng. Các dạng bài tập trong sách gồm: 1/Bài tập trắc nghiệm nhiều lựa chọn: Một câu hỏi có 4 phương án, trong đó chỉ có một phương án đúng; 2/Bài tập bày tỏ quan điểm về một câu danh ngôn; 3/Bài tập lựa chọn việc nên làm – không nên làm và giải thích vì sao; 4/Bài tập nhận xét, đánh giá hành vi của bản thân và của người khác; 5/Bài tập xử lý tình huống; 6/Bài tập rèn luyện hành vi; 7/Bài tập liên hệ bản thân; 8/Bài tập liên hệ mở rộng;...

GV có thể sử dụng các bài tập này trong các giờ GDCD hoặc cho HS làm bài tập vào giờ học buổi chiều. Ngoài ra, GV có thể đưa ra một số dạng bài tập khác cho HS luyện tập. Giống như SGK, Bài tập GDCD 9 chỉ là công cụ hỗ trợ cho GV trong quá trình dạy học. HS không bắt buộc phải làm các bài tập trong sách này.

2.3. Hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên sách và các học liệu điện tử, thiết bị giáo dục của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

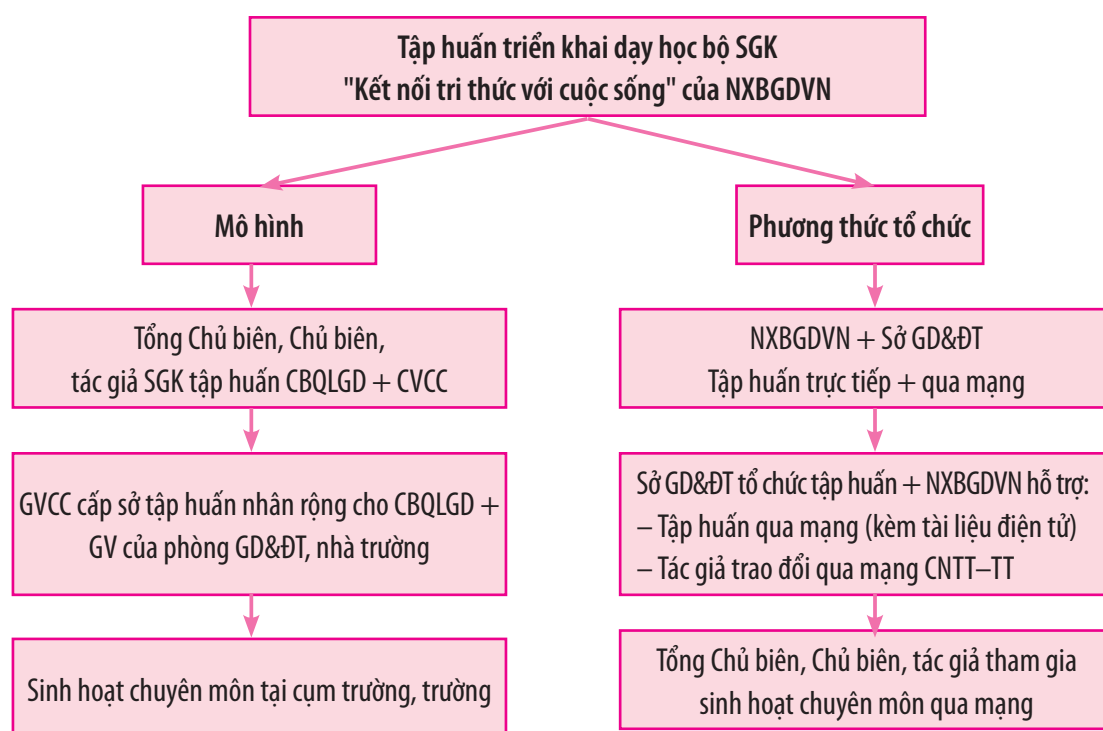
2.3.1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử

Việc tập huấn dạy học theo SGK mới lớp 9 của NXBGDVN được thực hiện theo

phương thức kết hợp giữa tập huấn qua mạng và tập huấn trực tiếp (Blended training). NXBGDVN phát triển hệ thống tập huấn qua mạng (*taphuan.nxbgd.vn*) nhằm đảm bảo cho tất cả GV, CBQLGD được tiếp cận trực tiếp bài giảng cũng như những giải đáp của chính Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả SGK lớp 9 để tiếp nhận đầy đủ và có thể vận dụng sáng tạo ý tưởng, nội dung, phương pháp, cách tổ chức dạy học các môn theo SGK mới lớp 9 vào giảng dạy và quản lý giảng dạy tại địa phương. Hệ thống tập huấn qua mạng hỗ trợ sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT, trường sử dụng bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” của NXBGDVN triển khai, quản lý công tác tập huấn tại địa phương.

Bên cạnh đó, các tính năng tương tác qua mạng như facebook, zalo, viber, email,... được phát triển để người học và người dạy có thể trao đổi, hỏi đáp, thảo luận với Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả, biên tập viên, họa sĩ và đội ngũ hỗ trợ của NXBGDVN.

Phương thức tổ chức tập huấn được thực hiện theo mô hình sau:



2.3.2. Cách thức khai thác và hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên trong việc tổ chức dạy học môn Giáo dục công dân 9

- Các học liệu, tiện ích của hệ thống tập huấn qua mạng, bao gồm:
- + Tài liệu tập huấn tổ chức thực hiện dạy học theo chương trình, SGK mới;
- + Các video tiết dạy minh họa;
- + Video giới thiệu tổng quan bộ sách và các video giới thiệu những nét đặc trưng, nổi bật về cấu trúc sách, nội dung, phương pháp, cách tổ chức dạy học theo từng môn học, hoạt động giáo dục;

+ Bộ câu hỏi thường gặp và giải đáp được tổng hợp, chắt lọc từ những đợt hội thảo, tập huấn GV, CBQLGD triển khai dạy học theo bộ SGK “Kết nối tri thức với cuộc sống” lớp 9 của NXBGDVN;

+ Câu hỏi, bài tập kiểm tra, đánh giá kết quả tập huấn qua mạng;

+ Bộ các công cụ tiện ích để CBQLGD, GV trao đổi với Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả, biên tập viên của NXBGDVN và trao đổi kinh nghiệm triển khai dạy học với đồng nghiệp trên toàn quốc;

+ Hướng dẫn sử dụng hệ thống tập huấn qua mạng để tự học, tự bồi dưỡng và để tổ chức tập huấn GV của sở, phòng GD&ĐT, sinh hoạt chuyên môn tại cụm trường, trường.

– Lợi ích của hệ thống tập huấn qua mạng đối với cơ quan quản lý giáo dục, GV, CBQLGD:

+ Được chính Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả tập huấn, hỗ trợ nên tránh được “Tam sao thất bản”;

+ Thường xuyên cập nhật chuyên môn, nghiệp vụ do hệ thống luôn được cập nhật và hoạt động 24/7;

+ Sau tập huấn triển khai SGK mới, các GV, CBQLGD được tuyển dụng mới có thể truy cập hệ thống tập huấn qua mạng để tự bồi dưỡng;

+ Kết xuất các báo cáo, thống kê, phân tích kết quả tập huấn cho các cấp quản lý giáo dục sở, phòng GD&ĐT, trường.

– Giới thiệu về hệ thống sách điện tử – hanhtrangso.nxbgd.vn:

Đồng thời với việc xuất bản SGK giấy, nhằm mục đích hỗ trợ triển khai SGK mới, SGK điện tử là dịch vụ gia tăng dành cho đơn vị, cá nhân sử dụng SGK mới in trên giấy của NXBGDVN. Trên nền tảng ứng dụng CNTT-TT, SGK điện tử của NXBGDVN mang lại những ưu việt sau:

1/Tích hợp và mở rộng

SGK điện tử lớp 9 trong bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” là phiên bản điện tử của SGK lớp 9 mới, được tích hợp và mở rộng các nội dung liên quan:

+ Các học liệu kèm theo SGK như các tệp âm thanh, hình ảnh, clip, video,...; Hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học cần thiết để dạy học theo SGK;

+ Sách bổ trợ, SGV;

+ Hướng dẫn trả lời các câu hỏi, bài tập, hình ảnh, video, để kiểm tra và đáp án, đánh giá kết quả trải nghiệm, thí nghiệm số hoá, bài elearning, giáo án, bài giảng;

+ Hỏi đáp, tương tác với Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả, biên tập viên của cuốn sách và các đơn vị, cá nhân liên quan của NXBGDVN;

+ Trao đổi, thảo luận qua mạng với cộng đồng người dùng sách;

+ Tự học qua mạng (Elearning). SGK điện tử được thực hiện tích hợp truyền thông đa phương tiện, liên thông nội dung SGK với các nguồn thông tin điện tử có liên quan.

SGK điện tử “động hoá” được các thông tin từ kênh hình, các cơ chế, quá trình; kết hợp được kênh thông tin khác nhau như hình ảnh, âm thanh, chữ trong việc thể hiện nội dung kiến thức, trải nghiệm; linh hoạt trong việc bổ sung, hoàn thiện kiến thức, hình thành kinh nghiệm mới.

2/Cập nhật, phát triển không ngừng

Nội dung SGK điện tử được cập nhật thường xuyên. Phiên bản điện tử của SGK luôn là phiên bản mới nhất:

- + Không ngừng hoàn thiện, bổ sung, mở rộng những chức năng nâng cao của hệ thống;

- + Không ngừng hoàn thiện, mở rộng, nâng cao nội dung sách, học liệu.

3/Công nghệ

- + Hệ thống sách điện tử cho phép chạy trên nền web, sử dụng các trình duyệt phổ biến như IE, FireFox, Chrome; thiết bị sử dụng là PC, máy tính bảng và điện thoại thông minh;

- + Hệ thống thân thiện, đơn giản, dễ dùng cho mọi GV, HS, phụ huynh HS ở các vùng miền có điều kiện khác nhau trên toàn quốc;

- + Có giải pháp chạy offline cho những nơi chưa có hoặc hạn chế về Internet.

4/Dịch vụ hỗ trợ 24/7

- + Tổng hợp câu hỏi của người dùng để tạo thành tập hợp những câu hỏi/trả lời thường xuyên (Q&A);

- + Theo dõi quá trình học tập, sử dụng của người dùng trên hệ thống;

- + Quản lý người dùng, kết xuất thống kê, báo cáo hỗ trợ công tác quản lý của các cơ quan quản lý giáo dục;

- + Đội ngũ hỗ trợ, giải đáp thắc mắc, tư vấn cho người dùng GV, phụ huynh, HS.

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9

1 THIẾT KẾ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Kế hoạch bài dạy (giáo án) là một bản mô tả chi tiết mục tiêu, nguồn phương tiện và học liệu, tiến trình tổ chức hoạt động dạy học một chủ đề/bài học nhằm giúp người học đáp ứng các mục tiêu đã đề ra. Đó chính là kịch bản lên lớp của mỗi GV với đối tượng HS cụ thể và nội dung trong một không gian và thời gian cụ thể cũng như lựa chọn phương pháp, phương tiện dạy học và hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực tương ứng trong chương trình môn học.

1.1. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch bài dạy môn Giáo dục công dân phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

- Đảm bảo các yêu cầu cần đạt trong CTGDPT môn GD CD.
- Đảm bảo chuỗi các hoạt động học tập: 1/Hoạt động xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu; 2/Hoạt động hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra; 3/Hoạt động luyện tập; 4/Hoạt động vận dụng.
- Đảm bảo sự phù hợp với mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng trong chuỗi hoạt động học tập.
- Đảm bảo sự rõ ràng về mục tiêu, nội dung, sản phẩm đạt được và cách thức tổ chức hoạt động dạy học trong mỗi nhiệm vụ học tập.
- Đảm bảo sự phù hợp của phương tiện, thiết bị dạy học, học liệu với tiến trình tổ chức các hoạt động học của HS.
- Đảm bảo sự phù hợp của phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động học của HS.
- Đảm bảo phù hợp với điều kiện của nhà trường, đối tượng HS và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của GV.

1.2. Định hướng cấu trúc kế hoạch bài dạy

Kế hoạch bài dạy phát triển phẩm chất, năng lực HS cần lưu ý hướng đến việc cụ thể hoá mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực (cụ thể đến năng lực thành phần), đến việc tích cực hoá các hoạt động học tập của HS, đến phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá các mục tiêu đã đặt ra. Do đó, KHBD có thể trình bày theo cấu trúc sau (Hướng dẫn của Công văn số 5512/BGDĐT–GDTrH):

Phụ lục IV: Khung kế hoạch bài dạy
(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT–GDTrH
ngày 18 – 12 – 2020 của Bộ GDĐT)

Trường:

Họ và tên giáo viên:

Tổ:

.....

TÊN BÀI DẠY:

Môn học/Hoạt động giáo dục:; lớp:

Thời gian thực hiện: (số tiết)

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức: Nêu cụ thể nội dung kiến thức HS cần học trong bài theo yêu cầu cần đạt của nội dung giáo dục/chủ đề tương ứng trong chương trình môn học/hoạt động giáo dục.

2. Về năng lực: Nêu cụ thể yêu cầu HS làm được gì (biểu hiện cụ thể của năng lực chung và năng lực đặc thù môn học cần phát triển) trong hoạt động học để chiếm lĩnh và vận dụng kiến thức theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học/hoạt động giáo dục.

3. Về phẩm chất: Nêu cụ thể yêu cầu về hành vi, thái độ (biểu hiện cụ thể của phẩm chất cần phát triển gắn với nội dung bài dạy) của HS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

Nêu cụ thể các thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho HS hoạt động nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu của bài dạy (muốn hình thành phẩm chất, năng lực nào thì hoạt động học phải tương ứng và phù hợp).

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu (Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động)

a) **Mục tiêu:** Nêu mục tiêu giúp HS xác định được vấn đề/nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học hoặc xác định rõ cách thức giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động tiếp theo của bài học.

b) **Nội dung:** Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể mà HS phải thực hiện (xử lý tình huống, câu hỏi, bài tập, thí nghiệm, thực hành,...) để xác định vấn đề cần giải quyết/nhiệm vụ học tập cần thực hiện và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề/cách thức thực hiện nhiệm vụ.

c) *Sản phẩm*: Trình bày cụ thể yêu cầu về nội dung và hình thức của sản phẩm hoạt động theo nội dung yêu cầu/nhiệm vụ mà HS phải hoàn thành: kết quả xử lý tình huống; đáp án của câu hỏi, bài tập; kết quả thí nghiệm, thực hành; trình bày, mô tả được vấn đề cần giải quyết hoặc nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo và đề xuất giải pháp thực hiện.

d) *Tổ chức thực hiện*: Trình bày cụ thể các bước tổ chức hoạt động học cho HS từ chuyển giao nhiệm vụ, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua sản phẩm học tập.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1 (Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động).

a) *Mục tiêu*: Nêu mục tiêu giúp HS thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1.

b) *Nội dung*: Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể của HS làm việc với SGK, thiết bị dạy học, học liệu cụ thể (đọc/xem/nghe/nói/làm) để chiếm lĩnh/vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề/nhiệm vụ học tập đã đặt ra từ Hoạt động 1.

c) *Sản phẩm*: Trình bày cụ thể về kiến thức mới/kết quả giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ học tập mà HS cần viết ra, trình bày được.

d) *Tổ chức thực hiện*: Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của HS.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) *Mục tiêu*: Nêu rõ mục tiêu vận dụng kiến thức đã học và yêu cầu phát triển các kỹ năng vận dụng kiến thức cho HS.

b) *Nội dung*: Nêu rõ nội dung cụ thể của hệ thống câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm giao cho HS thực hiện.

c) *Sản phẩm*: Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập; các bài thực hành, thí nghiệm do HS thực hiện, viết báo cáo, thuyết trình.

d) *Tổ chức thực hiện*: Nêu rõ cách thức giao nhiệm vụ cho HS; hướng dẫn hỗ trợ HS thực hiện; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) *Mục tiêu*: Nêu rõ mục tiêu phát triển năng lực của HS thông qua nhiệm vụ/yêu cầu vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn (theo từng bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp).

b) *Nội dung*: Mô tả rõ yêu cầu HS phát hiện/đề xuất các vấn đề/tình huống trong thực tiễn gắn với nội dung bài học và vận dụng kiến thức mới học để giải quyết.

c) *Sản phẩm*: Nêu rõ yêu cầu về nội dung và hình thức báo cáo phát hiện và giải quyết tình huống/vấn đề trong thực tiễn.

d) *Tổ chức thực hiện*: Giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học/hoạt động giáo dục của GV.

Lưu ý: Trên đây là Khung KHBD theo hướng dẫn của Công văn 5512/BGDĐT–GDTrH. Có hai kiểu thiết kế KHBD. Tác giả SGK GDCD 9 bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” lựa chọn kiểu thứ hai để thiết kế KHBD. GV dạy GDCD có thể lựa chọn kiểu nào mà mình cảm thấy phù hợp và dễ triển khai nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu cần đạt của chương trình.

CẤU TRÚC GIÁO ÁN THEO CV 5512

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

2. Năng lực

3. Phẩm chất

II. Thiết bị dạy học và học liệu

III. Tiến trình dạy học (Các hoạt động)

1. Mở đầu
(Khởi động)

2. Hình thành
kiến thức mới

3. Luyện
tập

4. Vận
dụng

MỖI HOẠT ĐỘNG CÓ THỂ THEO CẤU TRÚC 1 HOẶC CẤU TRÚC 2

Cấu trúc 1

Tên hoạt động:

a) Mục tiêu

b) Nội dung

c) Sản phẩm

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

Thực hiện nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

Kết luận, nhận định

Cấu trúc 2

Tên hoạt động:

a) Mục tiêu

b) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ
(Nội dung)

Thực hiện nhiệm vụ
(Sản phẩm)

Báo cáo, thảo luận

Kết luận, nhận định

1.3. Quy trình thiết kế kế hoạch bài dạy môn Giáo dục công dân

Bước 1: Xác định mục tiêu bài học

– Trong dạy học phát triển năng lực, mục tiêu bài học là mức độ HS đáp ứng được yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực. Mục tiêu bài học phải được xác định trên cơ sở yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực. Nếu một chủ đề nội dung giáo dục đã nêu trong Chương trình được thiết kế thành một bài học thì mục tiêu bài học được xác định chính là yêu cầu cần đạt tương ứng với chủ đề nội dung đó đã được quy định trong Chương trình. Nếu một chủ đề nội dung giáo dục đã nêu trong Chương trình được thiết kế thành một số bài học thì mục tiêu riêng của mỗi bài học chính là yêu cầu cần đạt riêng cho bài học đó được xác định trên cơ sở yêu cầu cần đạt chung của cả chủ đề nội dung.

– Yêu cầu cần đạt là kết quả đầu ra, được thể hiện bằng thái độ, hành vi nên cần tránh hoặc thận trọng với các động từ khó lượng hoá như: nắm vững, coi trọng, thích, yêu mến,... mà phải được diễn đạt bằng các động từ đơn nghĩa, dễ hiểu, thể hiện *kết quả có thể đo lường được*. Mô tả mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về năng lực của người học theo các mức độ: *biết, hiểu, vận dụng*.

+ *Biết*: Nêu được, liệt kê được,... Ví dụ: Nêu được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước,...

+ *Hiểu*: Giải thích được, phân tích được, trình bày được, đánh giá được,... Ví dụ: Giải thích được vì sao phải ...; trình bày được ... là gì,...

+ *Vận dụng*: Xác định, thực hiện, điều chỉnh, kiểm soát, áp dụng, phê phán, thiết kế, tham gia,... Ví dụ: Thực hiện được những việc làm phù hợp để ...; phê phán ...; tham gia các hoạt động ...;...

– Yêu cầu cần đạt phải *có tính khả thi*. Để bảo đảm thực hiện được yêu cầu này, khi xây dựng mục tiêu bài học, GV cần bám sát vào yêu cầu cần đạt của chủ đề nội dung đã nêu trong Chương trình. Yêu cầu cần đạt ở mỗi bài học *không được* cao hơn hay thấp hơn yêu cầu cần đạt đã quy định trong Chương trình vì yêu cầu cần đạt đã nêu trong Chương trình là những yêu cầu bắt buộc đối với HS toàn quốc, là kết quả (chuẩn) đầu ra của CTGDPT. Nếu GV xây dựng những yêu cầu cần đạt không phù hợp (cao hơn hoặc thấp hơn yêu cầu cần đạt đã quy định trong Chương trình) sẽ khiến việc lựa chọn nội dung dạy học, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá không phù hợp, hạn chế hứng thú học tập của HS, hạn chế việc thực hiện mục tiêu bài học.

Bước 2. Lựa chọn nội dung dạy học

Các nội dung giáo dục của các lớp trong CTGDPT môn GDCD là các nội dung cơ bản, cốt lõi, bắt buộc. Vì CTGDPT 2018 có tính mở, nên việc bổ sung, mở rộng các kiến thức, đặc biệt là các kiến thức cập nhật và mang tính thời sự, những vấn đề liên quan đến thực tiễn của địa phương rất quan trọng và cần thiết. Việc xác định mạch nội dung kiến thức của chủ đề giúp GV xác định được chính xác nội dung dạy học và tiến trình tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học theo một trình tự nhất định để đạt

được mục tiêu dạy học. Trên cơ sở đó, GV có thể bổ sung hoặc mở rộng thêm các kiến thức có liên quan cho phù hợp với trình độ của HS, đáp ứng mục tiêu đặt ra. Dựa vào tính logic của kiến thức, GV có thể bổ sung những nội dung này vào mạch kiến thức đã xác định trong KHGD một cách phù hợp.

Việc lựa chọn, bổ sung nội dung giáo dục chi tiết cho các lớp học bảo đảm các yêu cầu sau:

- Được xây dựng dựa trên các yêu cầu cần đạt, bám sát yêu cầu cần đạt, nhằm giúp HS thực hiện các yêu cầu cần đạt đã quy định ở mỗi chủ đề nội dung trong Chương trình;
- Là sự chi tiết hoá, cụ thể hoá chủ đề nội dung giáo dục đã quy định trong Chương trình, không nằm ngoài chủ đề nội dung đã quy định trong Chương trình;
- Tuân thủ định hướng của Chương trình môn GD&CD về nội dung giáo dục ở mỗi cấp học. Ở cấp THCS, nội dung giáo dục phải định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, quê hương, cộng đồng, nhằm hình thành cho HS thói quen, nếp nếp cần thiết trong học tập, sinh hoạt và ý thức tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật;
- Thiết kế theo hướng đồng tâm và phát triển, xoay quanh các mối quan hệ của HS với bản thân, gia đình, cộng đồng, xã hội, đất nước, nhân loại, với công việc và môi trường tự nhiên;
- Phải phù hợp với đặc điểm tâm – sinh lí lứa tuổi HS.
- Bảo đảm vừa phù hợp với dung lượng nội dung của mỗi chủ đề, vừa phù hợp với thời lượng được quy định trong Chương trình.

Bước 3: Tổ chức các hoạt động dạy học

1/ Hoạt động mở đầu/xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập

Với hoạt động này, GV cần:

- Xác định mục tiêu chính của hoạt động là tạo tâm thế học tập, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới. GV cần tìm hiểu xem HS đã biết gì về nội dung sẽ học trong bài học, chưa rõ, hoặc là gặp khó khăn gì khi tìm hiểu nội dung bài học và mong muốn điều gì từ bài học. Yêu cầu của hoạt động Mở đầu là giúp HS suy nghĩ và xuất hiện những quan niệm ban đầu của mình về vấn đề sắp tìm hiểu, học tập, bộc lộ mâu thuẫn giữa cái đã biết và cái *chưa biết*, tạo động lực thôi thúc HS học tập, tìm tòi, khám phá cái *muốn biết*. Câu trả lời được đầy đủ chính là nội dung của chủ đề.
- Lựa chọn hình thức tổ chức dạy học: quan sát hình ảnh, video, sự kiện, hiện tượng thực tiễn hoặc là bài hát, trò chơi, câu đố vui,... để trả lời câu hỏi hoặc thực hiện yêu cầu mà GV đặt ra. Các hoạt động này được xây dựng dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của HS có liên quan đến bài học.

2/ Hoạt động khám phá vấn đề/hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra

– Xác định mục tiêu chính của hoạt động này là giúp HS hình thành kiến thức, tìm hiểu biểu hiện của chuẩn mực hành vi, sự cần thiết và cách thực hiện chuẩn mực hành vi đó. Trên cơ sở đối chiếu kiến thức, kinh nghiệm sẵn có với những hiểu biết mới; kết nối/sắp xếp kiến thức cũ và kiến thức mới, HS sẽ thay đổi những quan niệm sai, bổ sung những quan niệm chưa đầy đủ về vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

– Nội dung của hoạt động được xác định trên cơ sở yêu cầu cần đạt của bài học. Thông thường, mỗi đơn vị kiến thức sẽ được thiết kế thành một hoạt động học tập với các bối cảnh và nhiệm vụ cụ thể.

+ Đối với việc tìm hiểu *biểu hiện* của chuẩn mực hành vi, GV tổ chức, hướng dẫn, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để hướng dẫn HS tìm hiểu mẫu hành vi thông qua các hoạt động như: đọc SGK, nghiên cứu tư liệu học tập, sử dụng học liệu; tự nghiên cứu, thực hành, hoạt động trải nghiệm,... Sau các hoạt động, GV cần hướng dẫn để HS tự kết luận về biểu hiện của chuẩn mực hành vi đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật và kinh tế mà các em tiếp nhận được thông qua các hoạt động.

+ Đối với hoạt động tìm hiểu *sự cần thiết* thực hiện chuẩn mực hành vi, GV có thể sử dụng phương pháp tổ chức trò chơi hoặc thảo luận nhóm để HS chia sẻ, trao đổi với các bạn trong nhóm và GV.

+ Đối với hoạt động tìm hiểu *cách* thực hiện chuẩn mực hành vi, GV cần giảng giải tỉ mỉ về các bước thực hiện, sau đó tổ chức cho HS hoạt động thực hành theo mẫu. Ngoài ra, GV cũng có thể sử dụng các bài tập, câu hỏi, tình huống phù hợp để HS tự khám phá cách thực hiện chuẩn mực hành vi.

3/ Hoạt động luyện tập

– Mục tiêu của hoạt động là giúp HS hoàn thiện hiểu biết; củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức, kĩ năng đã lĩnh hội, hình thành thái độ đúng đắn trước các hành vi đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật và kinh tế; đồng thời GV biết được mức độ hiểu biết/lĩnh hội kiến thức của HS để điều chỉnh các hoạt động dạy học. Thông qua hoạt động này, HS hình thành được thái độ đồng tình, ủng hộ các thái độ, hành vi tích cực; không đồng tình, phê phán các thái độ, hành vi tiêu cực; biết xử lí các tình huống mang tính giả định liên quan đến bài học.

– Cách tiến hành hoạt động này là HS phải vận dụng những hiểu biết đã học vào giải quyết các bài tập/tình huống cụ thể tương tự các bài tập/tình huống đã học nhưng có thay đổi các dữ liệu ban đầu để củng cố tri thức, rèn luyện kĩ năng. GV có thể tổ chức, hướng dẫn cho HS tham gia các hoạt động như: bày tỏ thái độ đối với các ý kiến liên quan tới các sự vật, hiện tượng, sự kiện, đối tượng, tình huống trong đời sống thực tế xung quanh mà các em biết; liên hệ với những thái độ, hành vi của chính bản thân mình hoặc của người khác; nhận xét thái độ, hành vi của bản thân hoặc người khác; xử lí tình huống;... để từ đó các em củng cố kiến thức, kĩ năng và hình thành thái độ tích cực cho bản thân. Bài tập/tình huống được sử dụng trong hoạt động luyện tập cần phải phù hợp với nội dung bài học, đặc điểm tâm sinh lí, khả năng, điều kiện học tập

và thực tế cuộc sống của HS. HS có thể được hướng dẫn hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm để hoàn thành các câu hỏi, bài tập,...

4/ Hoạt động vận dụng

– Nhằm giúp HS ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề có thực trong đời sống. Mục đích của hoạt động này là HS được củng cố kiến thức, kĩ năng, tăng cường ý thức và năng lực thường xuyên vận dụng những điều đã học được để phát hiện và giải quyết các vấn đề có thực trong học tập và trong cuộc sống; có ý thức tự tìm hiểu, mở rộng kiến thức, thói quen điều chỉnh hành vi, cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật. Hoạt động này đồng thời còn giúp GV đánh giá được mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của HS về phẩm chất và năng lực. Hoạt động vận dụng thường trên phương diện thực hành: thiết kế một áp phích, điều tra thực tiễn, xây dựng dự án,... chủ yếu giao cho HS thực hiện ở ngoài lớp học.

– Thông qua các nguồn tài liệu ngoài lớp học như: sách/tài liệu tham khảo bằng bản in hoặc internet; các bản báo cáo, thuyết trình; các sự kiện, hiện tượng, nhân vật, tình huống, trường hợp mà các em đã biết trong thực tế cuộc sống,... HS làm bài tập nghiên cứu, trao đổi, thảo luận, hợp tác với các bạn trong nhóm, trong lớp, GV, gia đình và những người khác trong cộng đồng để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế giải quyết vấn đề, ứng dụng các kiến thức đã học. HS có thể tự đưa ra những tình huống, bài tập và giải quyết theo cách riêng của mình hoặc trao đổi trong cặp đôi, trong nhóm, thống nhất cách làm chung, tìm giải pháp, kết quả chung; báo cáo kết quả trước lớp hoặc GV. Trong hoạt động vận dụng, cần chú trọng các hoạt động *rèn luyện thói quen thực hiện chuẩn mực hành vi* để giúp HS thực hành, rèn luyện thói quen thực hiện theo chuẩn mực hành vi. Các hoạt động này cần được tổ chức phù hợp với điều kiện sống và học tập của HS ở các vùng miền, địa phương khác nhau. GV cần quan tâm, động viên để có thể thu hút nhiều HS tự nguyện tham gia; khuyến khích những HS có sản phẩm chia sẻ với các bạn trong lớp.

Tùy thuộc vào thời lượng được phân bổ cho cả chủ đề/bài học, dựa trên kinh nghiệm giảng dạy, GV có thể dự kiến được thời lượng tương ứng của từng hoạt động.

Bước 4: Lựa chọn hình thức, phương pháp, kĩ thuật dạy học; phương án kiểm tra, đánh giá và học liệu

Trên cơ sở mục tiêu và chuỗi hoạt động, thời lượng dạy học của từng hoạt động, GV xác định hình thức, phương pháp, kĩ thuật dạy học và phương án kiểm tra, đánh giá tương ứng. Từ đó, GV xác định các học liệu cần thiết và thiết kế nguồn học liệu.

– *Về phương án kiểm tra, đánh giá:* Về nguyên tắc, năng lực chung là mục tiêu chung của mọi môn học/hoạt động giáo dục, cần đánh giá qua quá trình, không nhất thiết chủ đề nào/bài học nào cũng đánh giá. Bởi vậy, đánh giá năng lực đặc thù là đánh giá quan trọng nhất trong chủ đề của môn học.

– Về thiết bị dạy học và học liệu: Lựa chọn thiết bị dạy học và học liệu cụ thể, phù hợp với mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học trong bài học và điều kiện thực tế.

Bước 5. Rà soát; chỉnh sửa, hoàn thiện KHBD

Sau khi thiết kế KHBD, GV cần tiến hành rà soát lại toàn bộ để đảm bảo sự thống nhất giữa các mục, các hoạt động dạy học. Khi KHBD đã được tổ chức thực hiện trong quá trình dạy học, GV cần rút kinh nghiệm, bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hơn.

1.4. Các bước tổ chức thực hiện một hoạt động dạy học

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu cụ thể nội dung nhiệm vụ được giao cho HS (đọc/nghe/nhìn/làm) với thiết bị dạy học/học liệu cụ thể để tất cả HS đều hiểu rõ nhiệm vụ phải thực hiện. Nhiệm vụ học tập cần rõ ràng và phù hợp với khả năng của HS, thể hiện ở yêu cầu về sản phẩm mà HS phải hoàn thành khi thực hiện nhiệm vụ; hình thức giao nhiệm vụ sinh động, hấp dẫn, kích thích được hứng thú nhận thức của HS; đảm bảo cho tất cả HS tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ (HS thực hiện; GV theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể nhiệm vụ HS phải thực hiện (đọc/nghe/nhìn/làm) theo yêu cầu của GV; dự kiến những khó khăn mà HS có thể gặp phải kèm theo biện pháp hỗ trợ; dự kiến các mức độ cần phải hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu. Khuyến khích HS hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập; phát hiện kịp thời những khó khăn của HS và có biện pháp hỗ trợ phù hợp, hiệu quả; không có HS bị bỏ quên.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận (GV tổ chức, điều hành; HS báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể giải pháp sử dụng trong việc lựa chọn các nhóm HS báo cáo và cách thức tổ chức cho HS báo cáo (có thể chỉ chọn một số nhóm trình bày/báo cáo theo giải pháp sử dụng của GV). Hình thức báo cáo phù hợp với nội dung học tập và kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng; khuyến khích cho HS trao đổi, thảo luận với nhau về nội dung học tập; xử lý những tình huống sử dụng nảy sinh một cách hợp lý.

Bước 4. Kết luận, nhận định: Phân tích cụ thể về sản phẩm học tập mà HS phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của HS trên thực tế tổ chức dạy học); làm rõ những nội dung/yêu cầu về kiến thức, kỹ năng để HS ghi nhận, thực hiện; làm rõ các nội dung/vấn đề cần giải quyết/giải thích và nhiệm vụ học tập mà HS phải thực hiện tiếp theo; nhận xét về quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và những ý kiến thảo luận của HS; chính xác hoá các kiến thức mà HS đã học được thông qua hoạt động.

Lưu ý: Không phải bất kỳ hoạt động dạy học nào cũng phải tiến hành đầy đủ 4 bước trên; có trường hợp có thể kết hợp bước 2 và bước 3 thành một bước. GV có thể linh hoạt lựa chọn và thiết kế trình tự tổ chức dạy học phù hợp.

2 BÀI SOẠN MINH HOẠ

BÀI 1: SỐNG CÓ LÍ TƯỞNG (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm sống có lí tưởng.
- Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng.
- Nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam.

2. Năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân: Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng.

3. Phẩm chất

Yêu nước: tích cực học tập, lao động, rèn luyện sức khỏe, tham gia các hoạt động tập thể, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, Bài tập GDCC 9.
- Tranh ảnh, truyện, thơ, danh ngôn, bài hát, video,... về chủ đề “Sống có lí tưởng”.
- Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Tiết 1

1. MỞ ĐẦU (5')

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập cho HS và giúp HS có hiểu biết ban đầu về việc sống có lí tưởng.

b) Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS xem video bài hát “Tự nguyện” của nhạc sĩ Trương Quốc Khánh và trả lời câu hỏi: *Em hãy chỉ ra những ca từ thể hiện ước muốn của nhân vật trong lời bài hát và cho biết ý nghĩa của những ước muốn đó.*
- HS xem video và trả lời câu hỏi.
- GV nhận xét, kết luận, dẫn vào bài mới.

2. KHÁM PHÁ (40')

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm, ý nghĩa của việc sống có lí tưởng

a) Mục tiêu: HS nêu được thế nào là sống có lí tưởng, ý nghĩa của việc sống có lí tưởng.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Khai thác thông tin 1 trong SGK (15')

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin 1 trong SGK (tr.5 – 6), thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy nêu mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thông tin.

2/ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện mong muốn đó như thế nào?

3/ Ý nghĩa của mong muốn đó với dân tộc Việt Nam là gì?

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm đôi, lần lượt viết câu trả lời ra nháp/phiếu học tập.

– GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày câu trả lời, mời các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):

1/ Mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh là “nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”.

2/ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trải qua hành trình gian nan để thực hiện mong muốn đó: Năm 21 tuổi ra đi tìm đường cứu nước; làm nhiều nghề, trải qua hành trình 30 năm, qua gần 30 quốc gia, hàng trăm thành phố, gặp gỡ, tiếp xúc với nhiều dân tộc, nhiều nền văn hoá, tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam. (HS chia sẻ thêm những hiểu biết về cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh để trả lời câu hỏi này).

3/ Ý nghĩa: Từ mong muốn đó, Người đã tìm ra con đường cứu nước, tạo ra bước ngoặt vĩ đại cho cách mạng Việt Nam, đưa dân tộc ta tới độc lập tự do và phát triển lên con đường xã hội chủ nghĩa.

GV cho HS xem video nghệ sĩ ngâm thơ “Người đi tìm hình của nước” (Chế Lan Viên) và chia sẻ thêm về cuộc đời, sự nghiệp Hồ Chí Minh.

Nhiệm vụ 2: Khai thác thông tin 2 trong SGK (15’)

– GV hướng dẫn HS đọc thông tin 2 trong SGK, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy chỉ ra mục đích sống của bác sĩ Đặng Thuỳ Trâm và đồng đội.

2/ Chi tiết nào trong những dòng nhật kí thể hiện suy nghĩ và hành động để đạt được mục đích đó?

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm đôi để trả lời câu hỏi số 1, 2, lần lượt viết câu trả lời ra nháp/phiếu học tập.

– GV lần lượt mời đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):

1/ Mục đích sống của bác sĩ Đặng Thuỳ Trâm và đồng đội: Chiến đấu để giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, nhân dân.

2/ Chi tiết trong nhật kí thể hiện suy nghĩ và hành động để đạt được mục đích đó: “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”, “bằng nghị lực, bằng niềm tin ở chính nghĩa, bằng

lí tưởng cuộc đời mình mà đi tiếp những bước đường gai góc gian lao”, dũng cảm đối diện với thử thách khốc liệt của chiến tranh, “sống, chiến đấu và nghĩ rằng mình sẽ ngã xuống vì ngày mai của dân tộc”...

– GV/HS chia sẻ thêm thông tin về cuốn Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm và cuộc đời bác sĩ, liệt sĩ Đặng Thuỳ Trâm.

Nhiệm vụ 3: Nêu khái niệm sống có lí tưởng và ý nghĩa của sống có lí tưởng (10')

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm 4 – 6 bằng kĩ thuật khăn trải bàn để trả lời câu hỏi 3 trong SGK: *Em hãy cho biết thế nào là sống có lí tưởng và ý nghĩa của sống có lí tưởng.*

– HS thảo luận, mỗi thành viên viết ý kiến của mình vào góc khăn trải bàn, thống nhất ý kiến viết vào giữa khăn trải bàn.

– GV nhận xét, kết luận:

Sống có lí tưởng là xác định được mục đích cao đẹp và có kế hoạch, quyết tâm phấn đấu để đạt được mục đích nhằm đóng góp cho lợi ích của cộng đồng, quốc gia, nhân loại.

Sống có lí tưởng giúp mỗi người có động lực phấn đấu hoàn thành mục tiêu của bản thân, góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh. Người sống có lí tưởng được xã hội công nhận, tôn trọng và tin tưởng.

* GV giao nhiệm vụ HS về nhà chuẩn bị cho tiết học tiếp theo: Làm bài Luyện tập số 2 (viết một đoạn văn thuyết trình về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng).

Tiết 2

1. KHỞI ĐỘNG (5')

– GV cho HS xem video bài hát “Một đời người một rừng cây” (sáng tác: Trần Long Ẩn).

– HS chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc về bài hát.

– GV dẫn vào tiết học.

2. KHÁM PHÁ (tiếp theo) (23')

Hoạt động 2: Tìm hiểu lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam (15')

– GV hướng dẫn HS đọc hai thông tin ở mục 2 trong SGK (tr.7) và trả lời câu hỏi:

1/ Hãy xác định nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam và những việc thanh niên cần phải làm để thực hiện nhiệm vụ đó.

2/ Theo em, HS cần làm gì để thực hiện nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam?

– HS thực hiện nhiệm vụ: Thảo luận nhóm và ghi vào nháp/phiếu học tập.

– Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận, các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng):

1/ Nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam: Phấn đấu vì lí tưởng của Đảng và Bác Hồ (xây dựng thành công nước Việt Nam “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh). Những việc cần làm: Tích cực học tập, lao động, rèn luyện, tham gia các hoạt động xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2/ HS phải có mục đích sống đúng đắn, có kế hoạch học tập, rèn luyện bản thân, có ý chí vượt qua những gian nan, thử thách để đạt được mục đích đó.

* **Chốt kiến thức (8')**: GV chốt kiến thức trong SGK và trình bày tóm tắt theo sơ đồ/ HS vẽ sơ đồ tư duy và trình bày tóm tắt kiến thức đã khám phá theo sơ đồ.



3. LUYỆN TẬP (17')

a) Mục tiêu:

- HS củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá về sống có lí tưởng.
- Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân trước những vấn đề liên quan đến nội dung bài học “Sống có lí tưởng”.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Bài tỏ ý kiến (10')

- GV hướng dẫn HS làm bài tập 1 trong SGK (tr.8).
- HS làm việc cá nhân, viết kết quả vào phiếu học tập/nháp.
- GV chiếu từng quan điểm lên, mời HS xung phong trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến.
- GV nhận xét, kết luận.

Quan điểm	Đồng tình	Không đồng tình	Giải thích
A		X	Không phải người sống có mục đích nào cũng đều là những người sống có lí tưởng vì chỉ có mục đích sống cao đẹp mới được gọi là lí tưởng.
B	X		Mục đích sống cao đẹp mới được gọi là lí tưởng, suy nghĩ và hành động để thực hiện mục tiêu chung của dân tộc chính là sống có lí tưởng.
C		X	Không phải ai tích cực làm giàu đều là người sống có lí tưởng vì có những người làm giàu bất chính. Làm giàu chân chính, đóng góp cho gia đình, cộng đồng và đất nước, góp phần thực hiện mục tiêu “dân giàu nước mạnh” mới là sống có lí tưởng.
D	X		Lí tưởng sống được hình thành từ yêu cầu của đời sống xã hội hiện thực. Ở mỗi thời đại khác nhau, yêu cầu của đời sống xã hội hiện thực khác nhau nên con người có lí tưởng sống khác nhau.
E		X	Người có nhiều ước mơ, hoài bão nhưng ước mơ, hoài bão đó không cao đẹp và không kiên gan bền chí, nỗ lực phấn đấu để đạt ước mơ, hoài bão ấy thì không được gọi là người sống có lí tưởng.
G	X		Đối với HS, tích cực học tập để mai sau lập nghiệp, góp phần xây dựng quê hương, đất nước chính là sống có lí tưởng, bởi vì khi mục đích cá nhân hoà chung với mục đích của quốc gia, dân tộc thì đó chính là lí tưởng.

Nhiệm vụ 2: Thuyết trình về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng (7')

– GV mời một số HS thực hiện yêu cầu của bài Luyện tập số 2 (đã viết ở nhà): Thuyết trình về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng từ quan điểm “Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường. Không có lí tưởng thì không có phương hướng kiên định, mà không có phương hướng thì không có cuộc sống” (Lev Nikolayevich Tolsoy).

– Sản phẩm được đánh giá trên hai phương diện:

+ Nội dung thể hiện được các ý:

- “Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường”: Lí tưởng định hướng cho con người trong nhận thức và hành động.
- “Không có lí tưởng thì không có phương hướng kiên định”: Hạn chế của việc sống không có lí tưởng: giống như người đi trong đêm tối không có đèn, người sống không có lí tưởng sẽ thiếu phương hướng đúng đắn để thành công trong cuộc sống.

- + Hình thức: khả năng sử dụng ngôn ngữ và biểu cảm của người thuyết trình.
- GV nhận xét, kết luận, hướng dẫn nhiệm vụ về nhà:
- + Làm việc nhóm: Bài Luyện tập số 4: Sưu tầm câu chuyện/thông tin về một tấm gương thanh niên Việt Nam tiêu biểu trong hoạt động học tập/nghiên cứu khoa học/khởi nghiệp/thiện nguyện... Mỗi nhóm tìm hiểu về gương thanh niên trong một lĩnh vực, có tranh ảnh minh họa kèm theo.
- + Làm việc cá nhân: Bài Vận dụng số 1: Thiết kế thông điệp.
- + HS nộp sản phẩm trên phần mềm Padlet.

Tiết 3

1. KHỞI ĐỘNG (3')

GV mời 1 – 2 HS nhắc lại tóm tắt kiến thức đã khám phá trong 2 tiết học trước.

2. LUYỆN TẬP (tiếp theo) (30')

Nhiệm vụ 3: Nhận xét hành vi (10')

- GV hướng dẫn HS quan sát 4 bức ảnh trong SGK (tr.9) và nhận xét về việc làm của thanh niên trong các bức ảnh đó, nêu ý nghĩa của những việc làm đó.
- HS làm việc cá nhân: quan sát, mô tả việc làm của các thanh niên trong 4 bức ảnh. Thảo luận nhóm đôi để nêu ý nghĩa của các việc làm, viết kết quả thảo luận vào nháp/phiếu học tập.
- + Tranh 1: Thanh niên khởi nghiệp, làm giàu cho bản thân, gia đình và quê hương, đất nước.
- + Tranh 2: Người lính ở quần đảo Trường Sa, bảo vệ biển đảo của Tổ quốc.
- + Tranh 3: Thanh niên tham gia hoạt động tình nguyện, dọn rác, trồng cây, bảo vệ môi trường.
- + Tranh 4: Thanh niên chế tạo rô bốt. Những sáng chế này áp dụng vào lĩnh vực sản xuất sẽ góp phần giảm nhẹ sức lao động, nâng cao năng suất lao động của con người.
- GV chiếu từng hình ảnh, mời 1 – 2 HS đại diện nhóm trả lời câu hỏi. Các HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung ý kiến.
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận.

Nhiệm vụ 4: Nêu gương (10')

- GV mời các nhóm chia sẻ sản phẩm đã sưu tầm theo yêu cầu của bài Luyện tập số 4.
- Các HS khác lắng nghe, suy nghĩ, rút ra bài học cho bản thân và chia sẻ bài học đó trước lớp.
- GV nhận xét, đánh giá.

Nhiệm vụ 5: Xây dựng kế hoạch phát triển bản thân (10')

- GV hướng dẫn HS làm bài tập 5 trong SGK (tr.9): Dựa vào nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam, em hãy xác định nhiệm vụ mà bản thân phải thực hiện trong học tập và cuộc sống, từ đó xây dựng kế hoạch để thực hiện những nhiệm vụ đó.

– HS làm việc cá nhân, viết yêu cầu vào phiếu học tập, thể hiện hai ý cơ bản:

1/ Nhiệm vụ mà bản thân phải thực hiện trong học tập và cuộc sống.

2/ Kế hoạch để thực hiện những nhiệm vụ đó.

– GV mời một số HS trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các HS khác nhận xét, đánh giá.

– GV nhận xét, kết luận.

3. VẬN DỤNG (12')

a) Mục tiêu: HS biết vận dụng những điều đã học để xác định lí tưởng sống cho bản thân và phấn đấu theo lí tưởng đó.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Thiết kế thông điệp (10')

– GV mời một số HS trình bày thông điệp đã thiết kế theo yêu cầu của bài Vận dụng số 1. Yêu cầu thông điệp:

+ Nội dung ngắn gọn, thể hiện tầm quan trọng của việc sống có lí tưởng hoặc mục đích sống cao đẹp của bản thân.

+ Hình thức đẹp.

– Qua kĩ thuật phòng tranh ảo, GV và HS cả lớp xem “triển lãm” các thông điệp, nhận xét, đánh giá.

Nhiệm vụ 2: Thực hiện kế hoạch (2')

– GV hướng dẫn HS làm bài tập Vận dụng số 2: Từ kế hoạch đã được xác định trong bài Luyện tập số 5, HS ghi chép lại những kết quả mà mình đã đạt được, những điều chưa đạt được theo kế hoạch và phương hướng phấn đấu của bản thân.

– HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

– GV lựa chọn một số HS tiêu biểu trong lĩnh vực học tập/hoạt động tình nguyện chia sẻ trong diễn đàn “Lí tưởng sống của thanh niên, học sinh Việt Nam ngày nay” do nhà trường tổ chức.

GV chấm 5 – 10 sản phẩm thực hiện các bài Luyện tập, Vận dụng, lấy điểm kiểm tra thường xuyên cho HS.

Lưu ý: Trên đây chỉ là một KHBD có tính chất minh họa của môn GD&ĐT 9. GV có thể vận dụng linh hoạt, sáng tạo để soạn KHBD phù hợp với năng lực của HS và điều kiện cụ thể của trường, lớp, địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD&ĐT, CTGDPT, Chương trình tổng thể, Hà Nội, 2018.

2. Bộ GD&ĐT, CTGDPT môn GD&ĐT, Hà Nội, 2018.

3. Bộ GD&ĐT, Tài liệu bồi dưỡng sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực HS THCS, môn GD&ĐT (mô đun 1, 2, 3), 2020.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN TẮT THẮNG – VŨ THỊ LAN ANH

Trình bày bìa: PHẠM VIỆT QUANG

Thiết kế sách: VŨ XUÂN NHỰ

Sửa bản in: NGUYỄN TẮT THẮNG – NGUYỄN THỊ TRANG

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

– Sách điện tử: hanhtrangso.nxbgd.vn

– Tập huấn online: taphuan.nxbgd.vn

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9**

BỘ SÁCH: KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Mã số:

In bản (QĐ), khổ 19 x 26,5cm.

Đơn vị in Địa chỉ:

Cơ sở in Địa chỉ:

Số ĐKXB: ... /CXBIPH/...-.../GD

Số QĐXB: / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20....

Mã số ISBN: 978-604-0-...-----....